BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LỊCH SỬ 12







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt)
TRẦN THỊ VINH (Chủ biên)
TRƯƠNG THỊ BÍCH HẠNH – NGUYỄN THỊ MAI HOA – PHAN NGỌC HUYỀN
HOÀNG THỊ HỒNG NGA – PHẠM HỒNG TUNG

LỊCH SỬ

(Tái bản lần thứ hai)

12

sach-giao-khoa.com

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Ở cấp Trung học phổ thông, Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, gồm hai phần: phần bắt buộc đối với tất cả học sinh và phần lựa chọn cho học sinh chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp. Môn Lịch sử giúp các em hình thành, phát triển năng lực lịch sử cũng như những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc, đồng thời góp phần giúp các em rèn luyện tư duy hệ thống và phản biện, kết nối quá khứ với hiện tại.

Sách giáo khoa *Lịch sử 12* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* sẽ giúp các em khám phá, tìm hiểu những vấn đề đầy thú vị, hấp dẫn của lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc.

Trước hết, các em sẽ được tìm hiểu quá trình chuyển biến của tình hình thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh gắn với sự thành lập và vai trò của Liên hợp quốc; sự hình thành và sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và xu thế phát triển của thế giới đa cực sau Chiến tranh lạnh. Cùng với đó, các em cũng sẽ được tìm hiểu về những chặng đường lịch sử của tổ chức ASEAN gắn với sự ra đời, các giai đoạn phát triển của tổ chức này nhằm hướng tới việc xây dựng một cộng đồng ASEAN vững mạnh dựa trên ba trụ cột cơ bản.

Ở phần Lịch sử Việt Nam, các em sẽ có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay); các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay cũng như quá trình đổi mới của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Đặc biệt, chủ đề "Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam" sẽ giúp các em không chỉ hiểu được tiểu sử, sự nghiệp, vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam mà còn nhận thức rõ về tầm vóc, dấu ấn của Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam và thế giới với tư cách là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất.

Cuốn sách này được biên soạn đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh cũng như các yêu cầu về đánh giá kết quả giáo dục được quy định trong Chương trình môn học. Các bài học được thiết kế để tạo điều kiện cho việc vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, có khả năng vận dụng kiến thức lịch sử vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.

Cấu trúc cuốn sách bao gồm: Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách, các chủ đề với các bài học, Bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ, Bảng phiên âm.

Nội dung sách có nhiều thông tin tạo điều kiện cho các em kết nối với kiến thức các môn học khác như: Địa lí, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Giáo dục quốc phòng và an ninh,...

Khi sử dụng cuốn sách này, các em hãy cùng hoạt động, tương tác tích cực với thầy cô và các bạn; chủ động tìm kiếm thêm thông tin qua sách, báo, internet,... để có thể tái hiện và nhận thức lịch sử một cách sinh động, khách quan. Chúc các em học tập tốt và có những trải nghiệm thật bổ ích!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

MỤC	NỘI DUNG	TRANG
LỜI NÓI ĐẦU		2
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH		4
Chủ đề 1.THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH		6
Bài 1	Liên hợp quốc	6
Bài 2	Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh	13
Bài 3	Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh	18
Chủ đề 2. ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ		21
Bài 4	Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	21
Bài 5	Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực	25
Chủ đề 3. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)		31
Bài 6	Cách mạng tháng Tám năm 1945	31
Bài 7	Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	37
Bài 8	Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)	45
Bài 9	Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay	54
Chủ đề 4. CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY		61
Bài 10	Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	61
Bài 11	Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay	65
Chủ đề 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI		73
Bài 12	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)	73
Bài 13	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)	77
Bài 14	Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay	82
Chủ đề 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM		88
Bài 15	Khái quát cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh	88
Bài 16	Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc	94
Bài 17	Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	105
BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ		110
BẢNG PHIÊN ÂM		111

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



BÀI 2 TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

Hình 1. Lâu đài Li-va-đi-a thuộc thành phố I-an-ta, Liên Xô

Hình trên là lâu đài Li-va-đi-a, nơi diễn ra Hội nghị I-an-ta vào năm 1945. Những quyết định của hội nghị này đã tạo cơ sở cho việc thiết lập Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Trật tự này đã trải qua quá trình hình thành và tồn tại như thế nào? Những nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta? Tác động của sự kiện đó đối với tình hình thế giới là gì?

Yêu cầu cần đạt:

Xác định yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Mở đầu bài học:

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú với bài học mới.

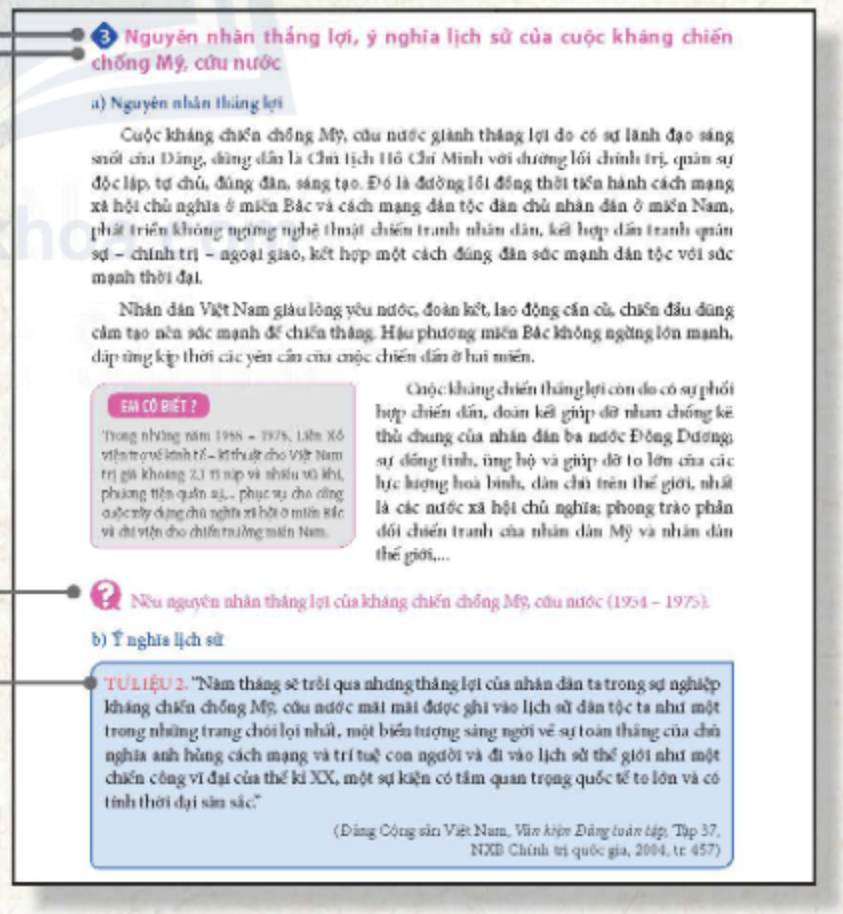
Hình thành kiến thức mới:

Nội dung của bài học (bao gồm kênh hình và kênh chữ) được thiết kế theo hai tuyến: chính và phụ. Đây là cơ sở để học sinh tiến hành các hoạt động học tập chiếm lĩnh kiến thức mới.

- **Tuyến chính:**

Nội dung chính của bài học, gồm kênh chữ, kênh hình, tư liệu và các câu hỏi, yêu cầu để định hướng hoạt động học tập của học sinh.

Trong đó, tư liệu là đoạn văn bản được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau, là ngữ liệu để giáo viên tổ chức các hoạt động dạy học, giúp học sinh tự nhận thức bài học.



3 Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a) Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

EM CÓ BIẾT ?

Trong những năm 1968 – 1978, Liên Xô viện trợ về kinh tế – kĩ thuật cho Việt Nam trị giá khoảng 2,1 tỉ rúp và nhiều vũ khí, phương tiện quân sự,... phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam.

Cuộc kháng chiến thắng lợi còn do có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

Nêu nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

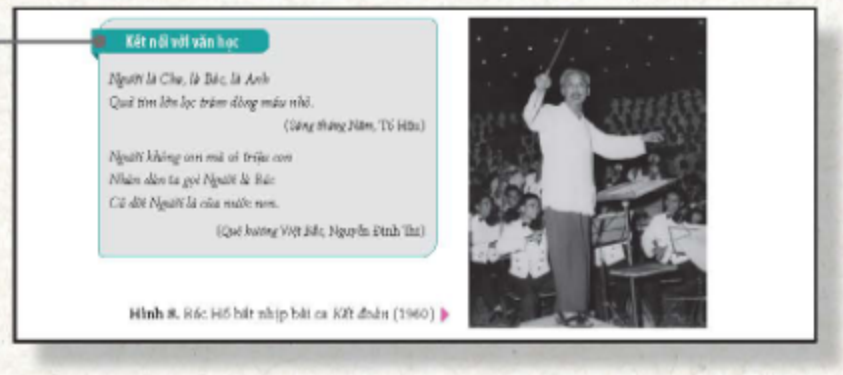
b) Ý nghĩa lịch sử

TƯ LIỆU 2. "Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 37, NXB Chính trị quốc gia, 2004, tr. 457)

• Tuyến phụ (gồm Kết nối, Em có biết):

Thông tin bổ trợ hoặc có tính liên môn để giải thích, mở rộng, làm rõ nội dung tuyến chính.



Kết nối với văn học

Người là Cha, là Bác, là Anh
Quê tím lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.
(Sáng tháng Năm, Tố Hữu)

Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non.
(Quê hương Việt Bắc, Nguyễn Đình Thi)

Hình 8. Bác Hồ bắt nhịp bài ca *Kết đoàn* (1960)

Đoạn thông tin chữ nhỏ cung cấp dẫn chứng cụ thể hoặc lí giải rõ hơn cho nội dung chính nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình.



Hình 2. Thành phố Mum-bai – một trong những thành phố phát triển nhất Ấn Độ ngày nay

Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và một số nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định tiềm lực kinh tế và vị thế của mình.

Thứ hai là sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

Thứ ba là vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

Sau Chiến tranh lạnh, các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên khu vực có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là: Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20); Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM) gồm các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong xu thế đa cực, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng các nước: lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị khác cũng đang vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

EM CÓ BIẾT?

Mặc dù Mỹ vẫn giữ vị trí số một thế giới về kinh tế và các lĩnh vực như: viễn, khoa học công nghệ,... nhưng vị thế của nước này đang ngày càng bị giảm đi trước sự nổi lên của các trung tâm khác. Năm 2000, GDP của Mỹ gấp khoảng 12 lần Trung Quốc, nhưng đến năm 2021 chỉ còn gấp khoảng 1,5 lần.

EM CÓ BIẾT?

G20 (gồm các nước nhóm G7, EU, Ác-hen-ti-na, Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Trung Quốc, Mê-hi-cô, Nga, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Ả-rập Xê-út, Nam Phi, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ), chiếm 2/3 dân số thế giới, 90% GDP toàn cầu và 80% thương mại quốc tế. Được thành lập năm 1999, G20 trở thành trung tâm điều phối các nỗ lực quốc tế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế thế giới.

Nêu những nét chính về xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng tóm tắt các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Bằng những kiến thức đã học và sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo, internet, em hãy chứng minh nhận định sau: "Hiện nay, cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn". Theo em, xu thế đó mang lại những cơ hội nào cho Việt Nam trong công cuộc phát triển đất nước?

20

Luyện tập:
Các câu hỏi, bài tập để củng cố, hệ thống hoá kiến thức, rèn luyện các kĩ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng:
Các bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Bảng tra cứu khái niệm, thuật ngữ: giải nghĩa một số khái niệm, thuật ngữ được dùng trong sách.

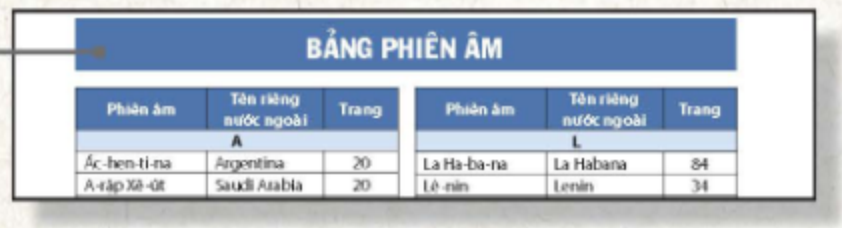


BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

Ấp chiến lược (47): Một kiểu trại tập trung của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam tại những vùng do chúng kiểm soát. Ấp chiến lược được xây dựng, canh phòng nghiêm ngặt nhằm dồn dân sống tập trung, tách dân khỏi cách mạng.

Hội nhập quốc tế (65): quá trình một quốc gia theo đuổi lợi ích của mình thông qua việc chủ động hợp tác, liên kết sâu rộng với các quốc gia vấn đề về mối quan hệ chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá,... giữa hai hoặc nhiều nước.

Bảng phiên âm: hướng dẫn phiên âm tên người, tên địa danh nước ngoài và tên nguyên gốc (chữ La-tinh).



BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang	Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
A			L		
Ác-hen-ti-na	Argentina	20	La Ha-ba-na	La Habana	84
A-rập Xê-út	Saudi Arabia	20	Lê-nin	Lenin	34

CHỦ ĐỀ 1

THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

BÀI 1 LIÊN HỢP QUỐC

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu quá trình thành lập Liên hợp quốc.
- Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
- Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.
- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.
- Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

Hình dưới đây là phiên khai mạc Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 77 vào ngày 13 – 9 – 2022 tại Niu Oóc (Mỹ) với sự tham dự của đại diện 193 quốc gia thành viên. Tổ chức này được thành lập trong bối cảnh nào? Liên hợp quốc có mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và đóng vai trò như thế nào trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội,... của thế giới? Vì sao Liên hợp quốc trở thành tổ chức toàn cầu lớn nhất thế giới? Hãy chia sẻ những điều em biết về một số vấn đề nêu trên.



Hình 1. Phiên khai mạc Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá 77

1 Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành

• *Bối cảnh lịch sử*

Vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có những chuyển biến quan trọng. Sức mạnh và ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít. Việc tổ chức lại thế giới sau chiến tranh càng trở nên cấp bách. Chiến tranh diễn ra càng khốc liệt thì ý tưởng về một tổ chức quốc tế thực sự có vai trò trong việc duy trì hoà bình thế giới càng rõ nét.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai đang diễn ra, các nước Đồng minh chống phát xít đã mong muốn thiết lập một tổ chức quốc tế để bảo vệ hoà bình, an ninh thế giới thay thế cho Hội Quốc liên.

EM CÓ BIẾT ?

Hội Quốc liên là tổ chức quốc tế được thành lập năm 1920 nhằm duy trì trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Tuy nhiên, tổ chức này không đủ sức mạnh để bảo vệ hoà bình, an ninh thế giới và chính thức giải thể năm 1946.

Trong bối cảnh đó, các nước Liên Xô, Mỹ, Anh triển khai các hoạt động để thành lập Liên hợp quốc.

• *Quá trình hình thành*

Ngày 1 – 1 – 1942, đại diện 26 nước đã kí bản *Tuyên bố Liên hợp quốc*, cam kết hợp tác trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Tuyên bố này tạo cơ sở cho việc hình thành Liên hợp quốc.

Từ năm 1943, các nước đã thoả thuận được một số điểm cơ bản về cơ cấu Liên hợp quốc, Đại hội đồng, thành viên thường trực Hội đồng Bảo an,…

Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ ngày 28 – 11 đến ngày 1 – 12 – 1943), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.

Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 2 – 1945), ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua Hiến chương Liên hợp quốc.

Từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ) với sự tham gia của đại biểu 50 nước đã thông qua bản *Hiến chương Liên hợp quốc*.



Hình 2. Lễ kí *Hiến chương Liên hợp quốc* tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô

Sau khi Hiến chương Liên hợp quốc được Quốc hội các nước phê chuẩn, ngày 24 – 10 – 1945, Liên hợp quốc chính thức được thành lập với 51 nước thành viên.

EM CÓ BIẾT ?

Ngày 31 – 10 – 1947, Đại hội đồng Liên hợp quốc quyết định lấy ngày 24 – 10 hằng năm là Ngày Liên hợp quốc.



Hình 3. Trụ sở Liên hợp quốc tại thành phố Niu Oóc (Mỹ) ngày nay

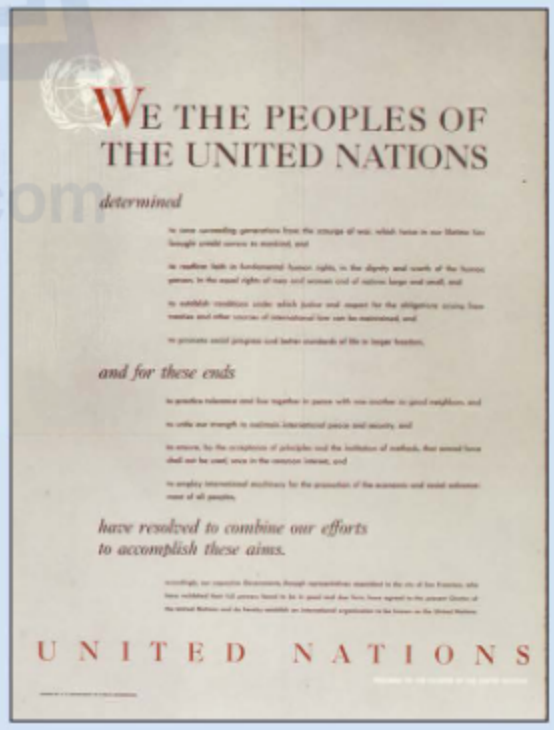
Hãy nêu bối cảnh lịch sử và quá trình thành lập Liên hợp quốc.

b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

Mục tiêu của Liên hợp quốc được quy định trong *Hiến chương Liên hợp quốc*.

TƯ LIỆU 1. Theo *Hiến chương*, Liên hợp quốc được thành lập nhằm bốn mục tiêu: 1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; 2. Thúc đẩy quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới; 3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, đảm bảo quyền con người và quyền tự do cơ bản cho mọi người không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo, ngôn ngữ; 4. Liên hợp quốc đóng vai trò là trung tâm điều hoà các nỗ lực quốc tế vì những mục tiêu trên.

(Theo *Điều 1*, *Hiến chương Liên hợp quốc* năm 1945)



Hình 4. Trang đầu của *Hiến chương Liên hợp quốc* năm 1945

Trong số các mục tiêu của Liên hợp quốc, mục tiêu duy trì hoà bình và an ninh quốc tế được chú trọng và là cơ sở để thực hiện các mục tiêu khác.

Để đảm bảo Liên hợp quốc là một tổ chức quốc tế thực sự phục vụ mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc quy định rõ các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này.



Hình 5. Đoàn sĩ quan Việt Nam tham gia Lực lượng gìn giữ hoà bình Liên hợp quốc trong lễ xuất quân lên đường làm nhiệm vụ tại Nam Xu-đăng (2021)

TƯ LIỆU 2. Một số nguyên tắc cơ bản của Liên hợp quốc là: Bình đẳng về chủ quyền quốc gia; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia; Từ bỏ đe doạ bằng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế; Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước; Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế; Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

(Theo *Điều 2, Hiến chương Liên hợp quốc* năm 1945)

Toàn bộ các hoạt động của Liên hợp quốc kể từ khi thành lập đến nay được thực hiện dựa trên cơ sở những mục tiêu và nguyên tắc hoạt động do Hiến chương quy định.

Khai thác thông tin và các tư liệu 1, 2 trong mục, hãy trình bày mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.

2 Vai trò của Liên hợp quốc

a) Duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

Trước hết, Liên hợp quốc góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay.

Thứ hai, Liên hợp quốc triển khai hoạt động gìn giữ hoà bình ở nhiều khu vực trên thế giới, góp phần chấm dứt nhiều cuộc xung đột, như ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la, Mô-dăm-bích,… và hỗ trợ cho tiến trình tái thiết ở nhiều quốc gia thành viên.

Thứ ba, Liên hợp quốc đã soạn thảo và xây dựng được hệ thống các công ước quốc tế về giải trừ quân bị, chống chạy đua vũ trang.



Hình 6. Tổng Thư kí Liên hợp quốc Kô-phi An-nan (bên phải) nhận giải Nô-ben Hoà bình

Trong đó, tiêu biểu là: *Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân* (1968), *Công ước cấm vũ khí hoá học* (1993), *Hiệp ước của Liên hợp quốc cấm vũ khí hạt nhân* (2017),… tạo khuôn khổ cho việc ngăn chặn, tiến tới xoá bỏ hoàn toàn các loại vũ khí này.

Thứ tư, Liên hợp quốc đã thành công trong việc thúc đẩy quá trình giành độc lập dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc, góp phần làm gia tăng số lượng thành viên của Liên hợp quốc hiện nay là 193 nước.

Nêu vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.

b) Thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế và nâng cao đời sống người dân

Liên hợp quốc với hệ thống các cơ quan, tổ chức chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính và thương mại quốc tế đạt được nhiều thành tựu nổi bật.

TƯ LIỆU 3. Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung. Một trong những ưu tiên của Liên hợp quốc là tạo môi trường kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế bình đẳng và quan tâm thích đáng đến lợi ích của các nước thành viên.

(Theo Bộ Ngoại giao, *Tài liệu cơ bản về Liên hợp quốc*)

EM CÓ BIẾT ?

Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD) là tổ chức kinh tế, thương mại lớn nhất trực thuộc Liên hợp quốc. Mục đích của UNCTAD là thúc đẩy sự phát triển kinh tế nói chung và thương mại nói riêng của tất cả các nước thành viên, nhất là các nước đang phát triển.

EM CÓ BIẾT ?

Từ năm 2000, Liên hợp quốc thúc đẩy việc thực hiện các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỉ, đã được Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỉ (9 – 2000) thông qua, nhằm xoá bỏ đói nghèo, thực hiện bình đẳng giới, đảm bảo bền vững về môi trường,...

Việc phát triển và hợp tác kinh tế, thương mại quốc tế là mục tiêu quan trọng được Liên hợp quốc chú trọng và xem đó là công cụ chủ yếu để phát triển kinh tế của các nước thành viên.

Thông qua các tổ chức chuyên môn và các quỹ trực thuộc, Liên hợp quốc đã thực hiện nhiều dự án, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao đời sống của người dân và hỗ trợ cho công tác xoá đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở các nước đang phát triển.



Hình 7. Người dân Y-ê-men nhận viện trợ lương thực của Cơ quan Cứu trợ và Hành động Liên hợp quốc (2019)

Liên hợp quốc cũng góp phần vào các hoạt động chống biến đổi khí hậu, dịch bệnh,… ở nhiều khu vực trên thế giới.

Năm 2015, Liên hợp quốc thông qua *Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*, đặt ra 17 mục tiêu, hành động mang tính toàn cầu đến năm 2030.



Hình 8. 17 mục tiêu của *Chương trình nghị sự 2030* vì sự phát triển bền vững

Khai thác thông tin và Tư liệu 3 trong mục, hãy trình bày vai trò của Liên hợp quốc trong thúc đẩy phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, cũng như trong việc nâng cao đời sống người dân.

c) Đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội

Ngay từ khi thành lập, Liên hợp quốc đã nỗ lực thúc đẩy việc xây dựng và kí kết những văn bản, điều ước quốc tế quan trọng nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của con người, tạo cơ hội phát triển văn hoá, xã hội cho tất cả mọi người.

TƯ LIỆU 4. Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền*, đưa ra những quyền và tự do cơ bản của con người... Liên hợp quốc chú trọng việc đảm bảo thực hiện những quyền cơ bản này của người dân trên toàn thế giới.

(Theo Bộ Ngoại giao, *Tài liệu cơ bản về Liên hợp quốc*)



Hình 9. Một lớp học tạm thời ở Công-gô do Cao uỷ Liên hợp quốc về người tị nạn tổ chức

EM CÓ BIẾT ?

Tổ chức Giáo dục, Văn hoá, Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy đối thoại, hợp tác giữa các dân tộc nhằm mục tiêu toàn cầu về phát triển văn hoá, xã hội, khoa học, phát triển bền vững,... Uỷ ban Di sản thế giới của UNESCO đã công nhận và hỗ trợ tài chính, góp phần quan trọng trong việc bảo tồn di sản văn hoá của nhân loại.

Các cơ quan và tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc tiến hành các hoạt động thúc đẩy sự hợp tác quốc tế giữa các quốc gia nhằm phát triển văn hoá, xã hội.

Liên hợp quốc đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các quỹ tài trợ quốc tế để phát triển văn hoá, xã hội, trong số đó có các quỹ tài trợ cho giáo dục, tiêu biểu là *Quỹ Giáo dục không thể chờ đợi* (Education Cannot Wait). Chỉ tính riêng trong năm 2021, khoảng 222 triệu trẻ em ở các khu vực chiến sự và khó khăn trên thế giới đã được tiếp cận với giáo dục nhờ sự hỗ trợ của quỹ này.

Khai thác thông tin và Tư liệu 4 trong mục, hãy nêu những nét chính về vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người và phát triển văn hoá, xã hội.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng tóm tắt bối cảnh thành lập, mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

2. Lập sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về vai trò của Liên hợp quốc trong các lĩnh vực.

1. Có ý kiến cho rằng: Vai trò quan trọng nhất của Liên hợp quốc là góp phần ngăn ngừa không để xảy ra một cuộc chiến tranh thế giới mới kể từ năm 1945 đến nay. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

2. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet và chia sẻ với bạn về những đóng góp, hỗ trợ của Liên hợp quốc đối với Việt Nam.

sach-giao-khoa.com

BÀI 2 TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.
- Phân tích được tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.



Hình 1. Lâu đài Li-va-đi-a thuộc thành phố I-an-ta, Liên Xô

Hình trên là lâu đài Li-va-đi-a, nơi diễn ra Hội nghị I-an-ta vào năm 1945. Những quyết định của hội nghị này đã tạo cơ sở cho việc thiết lập Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Trật tự này đã trải qua quá trình hình thành và tồn tại như thế nào? Những nguyên nhân nào dẫn đến sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta? Tác động của sự kiện đó đối với tình hình thế giới là gì?

1 Quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Hội nghị I-an-ta diễn ra vào giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, từ ngày 4 đến ngày 11 – 2 – 1945, khi phe Đồng minh giành được những thắng lợi quan trọng trên các mặt trận.



Hình 2. Từ trái sang phải (hàng ghế ngồi): Thủ tướng Anh – U. Sớc-sin, Tổng thống Mỹ – Ph. Ru-đơ-ven, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô – I. Xta-lin tại Hội nghị I-an-ta

Hội nghị đưa ra những quyết định về việc kết thúc chiến tranh, tiêu diệt tận gốc phát xít Đức, quân phiệt Nhật Bản và thoả thuận về việc đóng quân, phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á sau chiến tranh.

Ở châu Âu, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu; quân đội Mỹ, Anh và Pháp chiếm đóng miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Vùng Đông Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô; vùng Tây Âu thuộc phạm vi ảnh hưởng của Mỹ. Hai nước Áo và Phần Lan trở thành những nước trung lập.

Ở châu Á, hội nghị chấp nhận những điều kiện để Liên Xô tham chiến tiêu diệt quân phiệt Nhật Bản, bao gồm việc: 1. Duy trì nguyên trạng và công nhận nền độc lập của Mông Cổ; 2. Trả lại cho Liên Xô những quyền lợi bị mất sau chiến tranh Nga – Nhật (1904 – 1905).

Sau khi Nhật Bản đầu hàng, quân đội Mỹ chiếm đóng Nhật Bản. Ở bán đảo Triều Tiên, quân đội Liên Xô chiếm đóng miền Bắc, quân đội Mỹ chiếm đóng miền Nam, lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới. Trung Quốc cần trở thành một quốc gia thống nhất và dân chủ; Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản và các đảng phái dân chủ; trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ; Mỹ và Liên Xô có quyền lợi ở Trung Quốc.

Các vùng còn lại ở châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

EM CÓ BIẾT ?

Những quyền lợi của Liên Xô được khôi phục, bao gồm: trả lại phần phía Nam đảo Xa-kha-lin và các đảo lân cận, bốn đảo thuộc quần đảo Cu-rin, quốc tế hoá thương cảng Đại Liên (Trung Quốc), khôi phục việc thuê cảng Lữ Thuận (Trung Quốc) làm căn cứ hải quân, Liên Xô và Trung Quốc cùng khai thác đường sắt Nam Mãn Châu – Đại Liên,…

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta và thoả thuận sau đó của các cường quốc đã trở thành khuôn khổ cho sự thiết lập trật tự thế giới mới, được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Trình bày sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại từ năm 1945 đến năm 1991, trải qua hai giai đoạn:

• *Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:* giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với sự đối đầu giữa một bên là Mỹ, đứng đầu hệ thống tư bản chủ nghĩa và một bên là Liên Xô, đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối quân sự đối đầu nhau, tiêu biểu là: *Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)* do Mỹ và các nước phương Tây thành lập năm 1949, *Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va* do Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập năm 1955. Hai cực chi phối hầu hết các lĩnh vực phát triển của thế giới.

Quan hệ quốc tế giữa hai cực trở nên căng thẳng, đặc biệt từ khi bắt đầu cuộc Chiến tranh lạnh với việc Mỹ và Liên Xô tăng cường chạy đua vũ trang, thành lập các liên minh quân sự ở nhiều khu vực trên thế giới. Đồng thời, các cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột quân sự đã xảy ra ở nhiều khu vực khác nhau đều có sự hỗ trợ của hai nước đứng đầu hai cực.

Tuy nhiên, ngay trong giai đoạn này, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt đầu bị rạn nứt trước tác động của tình hình thế giới.

EM CÓ BIẾT ?

Ở châu Á, chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (1945 – 1954) và chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ (1954 – 1975),... là những cuộc chiến tranh cục bộ tiêu biểu. Ở khu vực Trung Đông, chiến tranh Trung Đông giữa I-xra-en và các nước Ả-rập bắt đầu từ năm 1948 và kéo dài trong nhiều năm.

TƯ LIỆU. Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc năm 1949 đã mở ra bước đột phá đầu tiên, phá vỡ âm mưu khống chế Trung Quốc của Mỹ và những đặc quyền của Liên Xô ở vùng Đông Bắc Trung Quốc. Đồng thời, sự lớn mạnh của các nước Tây Âu, Nhật Bản cũng làm suy giảm vị trí và ảnh hưởng của Mỹ trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

(Theo *Lịch sử thế giới hiện đại*, Quyển 2, NXB Đại học Sư phạm, 2016, tr. 94)

• *Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:* Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ.

Trật tự hai cực I-an-ta có biểu hiện suy yếu khi xu hướng hoà hoãn bắt đầu xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, với việc Liên Xô và Mỹ đạt được thoả thuận bước đầu về hạn chế vũ khí chiến lược, tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao đầu tiên (1972).

EM CÓ BIẾT ?

Chuyến thăm chính thức đầu tiên của Tổng thống Mỹ Níchxơn tới Liên Xô diễn ra vào tháng 5 – 1972. Hai bên đã kí kết nhiều văn kiện quan trọng về hạn chế vũ khí chiến lược, về hợp tác trong các lĩnh vực: khoa học, chinh phục không gian, y học và bảo vệ môi trường,...



Hình 3. Tổng thống Mỹ Níchxơn và Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Brê-giơ-nhép kí các văn kiện (1972)

Từ nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX, Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, hợp tác với các cuộc gặp gỡ cấp cao. Hai nước kí kết các văn kiện hợp tác về kinh tế, thương mại, khoa học – kĩ thuật, đặc biệt là thoả thuận về việc thủ tiêu các tên lửa tầm trung ở châu Âu (1987), hạn chế cuộc chạy đua vũ trang. Năm 1989, Liên Xô và Mỹ cùng tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu (vào cuối những năm 80 của thế kỉ XX), sự tan rã của Liên Xô (12 – 1991) đã chấm dứt sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Khai thác thông tin và tư liệu trong mục, hãy trình bày những nét chính về quá trình tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2 Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Nguyên nhân sụp đổ

Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất, sự đối đầu căng thẳng đã khiến cho cả hai cực Xô – Mỹ đều bị tốn kém về tài chính, suy giảm thế mạnh kinh tế, phải hạn chế cuộc chạy đua vũ trang để ổn định và củng cố vị thế của mình.

Thứ hai, từ giữa những năm 70 của thế kỉ XX, cùng với những thay đổi trong quan hệ Xô – Mỹ là những chuyển biến theo hướng hoà dịu trong quan hệ giữa Đông Âu và Tây Âu.

Thứ ba, sự vươn lên nhanh chóng của các nước trên thế giới nhằm thoát khỏi ảnh hưởng của hai cực, đặc biệt, thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc và sự ra đời của hàng loạt các quốc gia độc lập đã làm thay đổi khuôn khổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Thứ tư, sự thay đổi trong cán cân kinh tế thế giới là một yếu tố góp phần làm suy yếu Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Sự vươn lên mạnh mẽ của Nhật Bản và các nước Tây Âu đã tạo ra những trung tâm kinh tế cạnh tranh với Mỹ; sự suy giảm sức mạnh kinh tế của Liên Xô cũng làm cho cán cân kinh tế thế giới thay đổi.

Thứ năm, cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự tan rã của Liên Xô – quốc gia đứng đầu hệ thống xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Nêu những nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Tác động

Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã tác động nhiều mặt đến tình hình thế giới.

Trước hết, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã mở ra một thời kì phát triển mới trong quan hệ quốc tế, thúc đẩy những xu hướng phát triển mới, đảm bảo lợi ích của các quốc gia, các dân tộc trong quan hệ quốc tế.

Thứ hai, sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh lực lượng với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ. Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực,… ngày càng gia tăng, trong khi sức mạnh của Mỹ cũng suy giảm tương đối.

EM CÓ BIẾT ?

Những khoản thâm hụt ngân sách khổng lồ và nợ nước ngoài gia tăng là những thách thức lớn mà Mỹ phải đối mặt. Năm 1990, thâm hụt ngân sách của Mỹ lên đến 220 tỉ USD (gấp ba lần so với năm 1980), nợ nước ngoài tăng gần 3 000 tỉ USD. Mỹ phải cắt giảm lực lượng quân đội đồn trú ở châu Âu và một số căn cứ quân sự ở các khu vực khác trên thế giới.

Thứ ba, sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta dẫn đến sự hình thành một trật tự thế giới mới.

Phân tích tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

sach-giao-khoa.com

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hãy tóm tắt những nét chính về quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2. Lập sơ đồ tư duy (theo ý tưởng của em) về nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

Dựa vào tư liệu sưu tầm từ sách, báo, internet và vận dụng những kiến thức đã học, hãy giải thích vì sao sự tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta không phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

BÀI 3 TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.
- Trình bày được khái niệm đa cực.
- Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.
- Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.

Sự kiện Bức tường Béc-lin sụp đổ (11 – 1989) là một trong những biểu tượng cho sự kết thúc của Chiến tranh lạnh. Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra những xu thế phát triển mới của thế giới. Đó là những xu thế nào? Vì sao xu thế đa cực trở thành xu hướng chính trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh? Hãy chia sẻ những điều em biết về trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh.



Hình 1. Người dân Đức trong sự kiện Bức tường Béc-lin sụp đổ

1 Các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

Chiến tranh lạnh kết thúc đã mở ra một thời kì mới của thế giới với những xu thế phát triển chính: kinh tế là trọng tâm; toàn cầu hoá; đối thoại, hợp tác; đa cực trong quan hệ quốc tế,...

- *Xu thế phát triển lấy kinh tế là trọng tâm*

EM CÓ BIẾT ?

Từ năm 1986, Việt Nam bắt đầu công cuộc Đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được xếp trong nhóm những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới, đồng thời gắn kết phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Sau Chiến tranh lạnh, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều điều chỉnh chiến lược phát triển tập trung vào kinh tế, nhằm tăng cường sức mạnh, tiềm lực quốc gia, đồng thời nâng cao đời sống người dân.

• *Xu thế toàn cầu hoá*

Sự kết thúc của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh, cùng với sự phát triển của cách mạng khoa học – công nghệ đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hoá. Toàn cầu hoá là quá trình gia tăng mạnh mẽ của những mối liên hệ, sự phụ thuộc, tác động lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc và khu vực trên phạm vi toàn cầu.

• *Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế*

Nhu cầu ổn định để phát triển kinh tế, đặc biệt là xu thế toàn cầu hoá đã thúc đẩy xu thế đối thoại, cùng hợp tác, thay cho xu thế đối đầu giữa các nước có chế độ chính trị khác nhau trong quan hệ quốc tế. Xu thế đối thoại, hợp tác dựa trên cơ sở hai bên cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, cùng tồn tại hoà bình đang ngày càng trở thành xu thế chủ yếu trong các mối quan hệ quốc tế.

Hãy nêu những xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

2 Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Khái niệm đa cực

Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của các quốc gia, các trung tâm khác nhau, trong đó không một quốc gia nào có quyền lực áp đảo đối với các quốc gia khác, cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Sự hình thành của trật tự thế giới đa cực là một tiến trình lịch sử khách quan với sự nổi lên của các cường quốc, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế, phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

Trình bày khái niệm đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

b) Xu thế đa cực

Sau Chiến tranh lạnh, xu thế đa cực trở thành một trong những xu thế phát triển chính của thế giới.

> TƯ LIỆU. Nhận định về tình hình thế giới, Đại hội XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh… Cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn".
>
> (Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2016, tr. 16)

Biểu hiện của xu thế đa cực *trước hết* là sự gia tăng sức mạnh, tầm ảnh hưởng và vị thế về kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại,... của các nước lớn như: Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Nhật Bản, một số nước thuộc Liên minh châu Âu (EU),…



Hình 2. Thành phố Mum-bai – một trong những thành phố phát triển nhất Ấn Độ ngày nay

Cùng với sự phát triển của Trung Quốc, Nga, thế giới còn chứng kiến sự nổi lên của Ấn Độ với mức tăng trưởng kinh tế cao liên tục trong nhiều năm. Nhật Bản và một số nước thuộc Liên minh châu Âu tiếp tục khẳng định tiềm lực kinh tế và vị thế của mình.

Thứ hai là sự suy giảm sức mạnh tương đối của Mỹ trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

Thứ ba là vai trò ngày càng gia tăng của các trung tâm, tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, khu vực.

Sau Chiến tranh lạnh, các tổ chức kinh tế, tài chính khu vực, liên khu vực có vai trò ngày càng lớn đối với sự phát triển của thế giới, tiêu biểu là: Nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20); Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM) gồm các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU), các nước ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Trong xu thế đa cực, Mỹ và Trung Quốc là hai cực có tầm ảnh hưởng lớn, nhưng các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị khác cũng đang vươn lên mạnh mẽ để khẳng định vai trò của mình trong quan hệ quốc tế.

EM CÓ BIẾT ?

Mặc dù Mỹ vẫn giữ vị trí số một thế giới về kinh tế và các lĩnh vực như: vốn, khoa học – công nghệ,... nhưng vị thế của nước này đang ngày càng bị giảm dần trước sự nổi lên của các trung tâm khác. Năm 2000, GDP của Mỹ gấp khoảng 12 lần Trung Quốc, nhưng đến năm 2021 chỉ còn gấp khoảng 1,3 lần.

EM CÓ BIẾT ?

G20 (gồm các nước nhóm G7, EU, Ác-hen-ti-na, Ô-xtrây-li-a, Bra-xin, Trung Quốc, Mê-hi-cô, Nga, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ, Ả-rập Xê-út, Nam Phi, Hàn Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ), chiếm 2/3 dân số thế giới, 90% GDP toàn cầu và 80% thương mại quốc tế. Được thành lập năm 1999, G20 trở thành trung tâm điều phối các nỗ lực quốc tế nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế thế giới.

Nêu những nét chính về xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng tóm tắt các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Bằng những kiến thức đã học và sưu tầm thêm tư liệu từ sách, báo, internet, em hãy chứng minh nhận định sau: "Hiện nay, cục diện thế giới theo xu hướng đa cực, đa trung tâm diễn ra nhanh hơn". Theo em, xu thế đó mang lại những cơ hội nào cho Việt Nam trong công cuộc phát triển đất nước?

CHỦ ĐỀ 2

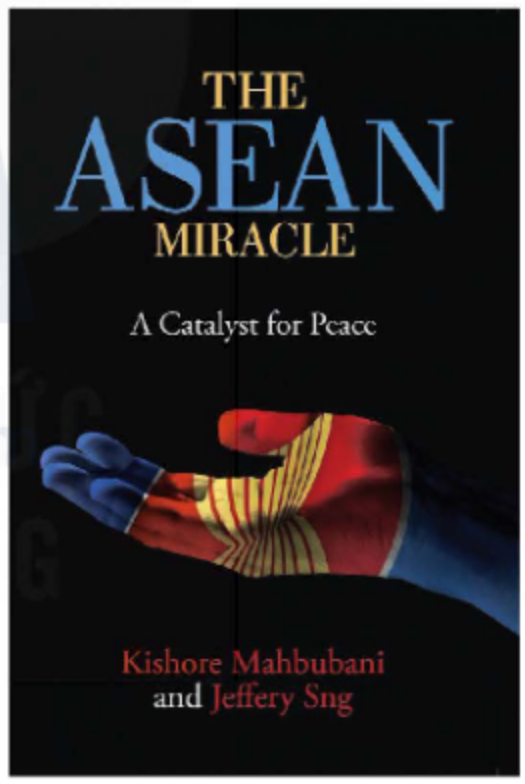
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

BÀI 4 SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu quá trình thành lập ASEAN.
- Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.
- Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.
- Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).

Trong cuốn sách *Kì diệu ASEAN – Chất xúc tác cho hoà bình* (The ASEAN miracle, A Catalyst for Peace), xuất bản vào dịp kỉ niệm 50 năm thành lập tổ chức ASEAN (1967 – 2017), các tác giả cho rằng thành công của ASEAN là một điều kì diệu và thế giới sẽ trở nên tốt đẹp hơn khi các khu vực đang phát triển khác noi gương sự thành công của ASEAN để tạo ra hoà bình, thịnh vượng. Vì sao ASEAN được đánh giá như một "điều kì diệu"? Hãy chia sẻ những điều em biết về sự hình thành và phát triển của ASEAN.



Hình 1. Trang bìa cuốn sách *"Kì diệu ASEAN – Chất xúc tác cho hoà bình"*

1 Quá trình hình thành và mục đích thành lập tổ chức ASEAN

a) Quá trình hình thành tổ chức ASEAN

ASEAN ra đời trong bối cảnh thế giới và khu vực Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, xu hướng khu vực hoá trên thế giới bắt đầu xuất hiện và ngày càng trở nên phổ biến. Ở Đông Nam Á, các nước có nhu cầu hợp tác với nhau để cùng phát triển kinh tế, xã hội, đồng thời tạo ra sức mạnh tập thể trong việc ứng phó với sự tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn đối với khu vực trong bối cảnh Chiến tranh lạnh.

Đầu những năm 60 của thế kỉ XX, một số tổ chức khu vực được thành lập như: Hiệp hội Đông Nam Á (1961) gồm Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan; Tổ chức MAPHILINDO (1963) gồm Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a. Tuy nhiên, các tổ chức này chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, do những bất đồng trong quan hệ song phương giữa một số nước thành viên.

Vào nửa sau những năm 60, các nước Đông Nam Á ngày càng nhận thức rõ về sự cần thiết của việc hợp tác khu vực, đồng thời quan hệ giữa các nước có những diễn biến thuận lợi cho việc thành lập một tổ chức khu vực.

Sau các cuộc thảo luận về việc thành lập tổ chức khu vực, ngày 8 – 8 – 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), Ngoại trưởng năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã thông qua *Tuyên bố ASEAN* (còn gọi là Tuyên bố Băng Cốc), chính thức thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (viết tắt theo tiếng Anh là ASEAN).



Hình 2. Ngoại trưởng năm nước tham gia sáng lập ASEAN (1967)

Hãy trình bày quá trình hình thành tổ chức ASEAN.

b) Mục đích thành lập ASEAN

TƯ LIỆU. *Tuyên bố ASEAN* nêu rõ mục đích thành lập của ASEAN:

1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng.

2. Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc.

3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học – kĩ thuật và hành chính,...

(Theo *Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)*, NXB Chính trị quốc gia, 1998, tr. 15 – 16)

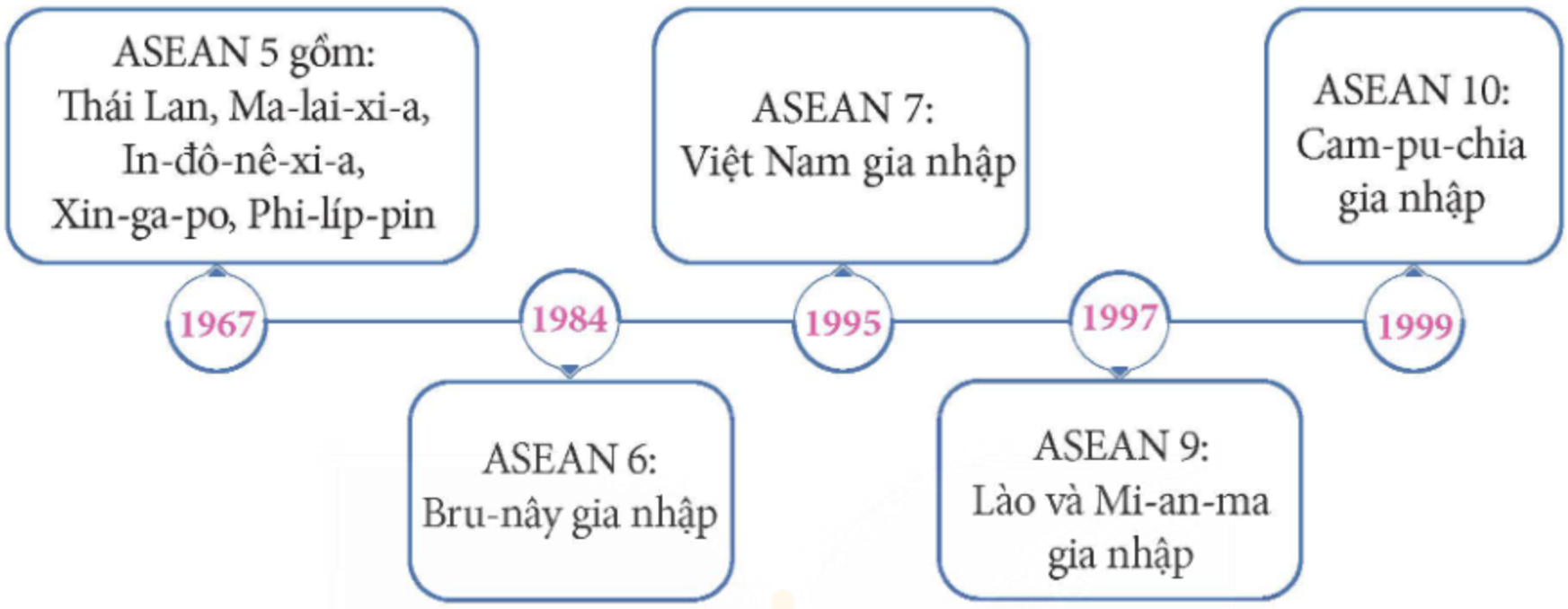
ASEAN được thành lập nhằm mục đích chính là tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, tạo điều kiện cho các nước thành viên phát triển và hội nhập với khu vực, thế giới; phấn đấu để Đông Nam Á trở thành khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng và ASEAN trở thành tổ chức bao gồm tất cả các quốc gia Đông Nam Á.

Khai thác thông tin và tư liệu trong mục, hãy trình bày mục đích thành lập ASEAN.

2 Hành trình phát triển của ASEAN

a) Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

Để thực hiện mục tiêu mở rộng thành viên bao gồm tất cả các nước trong khu vực, ASEAN đã trải qua hành trình hơn 30 năm để đưa ASEAN 5 trở thành ASEAN 10.



Hình 3. Sơ đồ quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10



Hình 4. Lễ kết nạp Vương quốc Cam-pu-chia là thành viên thứ 10 của ASEAN tại Hà Nội (Việt Nam) năm 1999

EM CÓ BIẾT ?

Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên thứ bảy của ASEAN là dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của ASEAN. Đây không chỉ là sự tăng thêm về số lượng thành viên mà còn đẩy nhanh quá trình thực hiện mục tiêu xây dựng ASEAN trở thành "ngôi nhà chung" của các quốc gia Đông Nam Á.

Quá trình mở rộng ASEAN phù hợp với mong muốn, lợi ích của mỗi thành viên, đảm bảo hoà bình, ổn định của cả khu vực, đồng thời nâng cao vị thế của Hiệp hội trên trường quốc tế.

Trình bày quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.

b) Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay)

Bảng tóm tắt các giai đoạn phát triển chính của ASEAN

Các giai đoạn phát triển	Các tuyên bố, hiệp định quan trọng
1967 – 1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu, tạo tiền đề cho sự hợp tác ASEAN, tập trung vào hợp tác chính trị – an ninh "xây dựng lòng tin và học cách hoà giải".	Ra *Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập* (ZOPFAN, 1971).
1976 – 1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10; từng bước nâng cao uy tín ASEAN trên trường quốc tế, bước đầu mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với bên ngoài.	– Ra *Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN* (Tuyên bố Ba-li I), kí *Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á* (TAC, 1976),... – Kí *Hiệp định khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN* và thoả thuận về *Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN* (AFTA, 1992), thành lập *Diễn đàn khu vực ASEAN* (ARF, 1994).
1999 – 2015: Giai đoạn hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối về chính trị – an ninh, kinh tế – thương mại và các lĩnh vực khác; khẳng định uy tín, vai trò của ASEAN.	Ra *Tuyên bố Ba-li II* (2003), công bố *Hiến chương ASEAN* (2007),...
2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: chính trị – an ninh, kinh tế, văn hoá – xã hội; đẩy mạnh hợp tác bên trong ASEAN và bên ngoài ASEAN với các đối tác đối thoại, nâng cao uy tín, vai trò của ASEAN ở khu vực và trên thế giới.	Ra Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN (2015), thông qua *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025* (2015), *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025* (2020),…

Nêu những nét chính về các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng niên biểu về quá trình mở rộng từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.

1. Có ý kiến cho rằng: Đóng góp quan trọng nhất của ASEAN trong quá trình thành lập và phát triển hơn 50 năm qua là xây dựng được môi trường hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?

2. Tìm hiểu tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài giới thiệu ngắn gọn về các giai đoạn phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay.

BÀI 5 CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN.
- Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.
- Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
- Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Tem "Chào mừng Cộng đồng ASEAN" do các hoạ sĩ Việt Nam thiết kế, được phát hành đồng thời tại Việt Nam và các nước ASEAN vào năm 2015. Tem mang thông điệp: "Một Tầm nhìn, một Bản sắc, một Cộng đồng". Vì sao tất cả các nước thành viên đều chào mừng Cộng đồng ASEAN? Cộng đồng ASEAN được hình thành như thế nào? Hãy chia sẻ những điều em biết về Cộng đồng ASEAN.



Hình 1. Tem "Chào mừng Cộng đồng ASEAN" năm 2015

1 Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a) Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN đã khởi nguồn từ khi ASEAN thành lập. *Tuyên bố Băng Cốc (1967)* đã nêu ra mục tiêu xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình ở Đông Nam Á.

Sau 30 năm phát triển và mở rộng, ASEAN chính thức khẳng định ý tưởng thành lập Cộng đồng ASEAN tại Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức được tổ chức tại Ma-lai-xi-a (1997). Các nước thành viên thông qua văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2020*, nêu rõ việc xây dựng Cộng đồng ASEAN, định hướng cho sự phát triển trong tương lai của ASEAN.

TƯ LIỆU 1. Theo *Tầm nhìn ASEAN 2020*: "Toàn bộ Đông Nam Á sẽ là một cộng đồng ASEAN, nhận thức được các mối liên hệ lịch sử của mình, hiểu rõ di sản văn hoá của mình và gắn bó với nhau bằng một bản sắc chung của khu vực".

(Nguồn: *Cổng Thông tin ASEAN – Việt Nam*)

sach-giao-khoa.com



Hình 2. Hội nghị cấp cao ASEAN không chính thức tại Ma-lai-xi-a (15 – 12 –1997)

Với ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN, mục tiêu hợp tác về kinh tế, chính trị – an ninh, văn hoá – xã hội giữa các nước thành viên sẽ được phát triển lên một nấc thang mới, đáp ứng nguyện vọng của các quốc gia thành viên về một khu vực Đông Nam Á gắn kết, hữu nghị và hợp tác.

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, hãy nêu những nét chính về ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.

b) Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN là đưa ASEAN trở thành một cộng đồng với ba trụ cột có mức độ liên kết sâu rộng hơn, ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lí là *Hiến chương ASEAN*, đồng thời mở rộng hợp tác với bên ngoài.

TƯ LIỆU 2. "Cộng đồng ASEAN sẽ được thành lập gồm ba trụ cột là hợp tác chính trị và an ninh, hợp tác kinh tế và hợp tác văn hoá – xã hội được gắn kết chặt chẽ và cùng tăng cường cho mục đích đảm bảo hoà bình, ổn định lâu dài và cùng thịnh vượng trong khu vực."

(Trích *Tuyên bố Ba-li II* (2003), Nguồn: Bộ Ngoại giao)

Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, hãy nêu mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.

c) Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

Để thực hiện mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN, các nước thành viên đã thông qua kế hoạch triển khai cụ thể trên ba trụ cột: Chính trị – An ninh, Kinh tế, Văn hoá – Xã hội.

Kế hoạch được nêu rõ trong văn bản "Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN (2009 – 2015)", được thông qua tại Hội nghị cấp cao ASEAN 14 ở Thái Lan (2009), nhằm đưa ASEAN trở thành cộng đồng gắn kết hơn về kinh tế, chính trị – an ninh, có trách nhiệm về xã hội đối với người dân.

Về quan hệ đối ngoại, ASEAN tăng cường thực hiện các biện pháp mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài, thông qua cơ chế hợp tác khu vực do ASEAN giữ vai trò chủ đạo.

Sau sáu năm thực hiện, đến năm 2015, ASEAN đã hoàn thành về cơ bản việc triển khai các kế hoạch xây dựng cộng đồng. Trên cơ sở đó, ngày 22 – 11 – 2015, các nhà lãnh đạo ASEAN đã kí Tuyên bố thành lập Cộng đồng ASEAN, chính thức thành lập Cộng đồng ASEAN kể từ ngày 31 – 12 – 2015.



Hình 3. Lễ kí *Tuyên bố Cu-a-la Lăm-pơ* thành lập Cộng đồng ASEAN (2015)

Trình bày những nét chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

2 Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN bao gồm: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC).

a) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)

Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN được xây dựng trên nền tảng những thành quả hợp tác chính trị – an ninh đã đạt được, nhằm mục tiêu tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực, nâng hợp tác chính trị – an ninh lên một nấc thang mới cao hơn và chặt chẽ hơn, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của ASEAN.

TƯ LIỆU 3. *Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (2009 – 2015)* bao gồm ba nội dung chính: "Xây dựng một cộng đồng dựa trên các giá trị và chuẩn mực chung; Tạo dựng một khu vực gắn kết, hoà bình và tự cường với trách nhiệm chung đối với an ninh toàn diện; Hướng tới một khu vực năng động và rộng mở với bên ngoài trong một thế giới ngày càng liên kết và tuỳ thuộc".

(Nguồn: *Cổng Thông tin ASEAN – Việt Nam*)

Khai thác thông tin và Tư liệu 3 trong mục, hãy trình bày nội dung chính của Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN.

sach-giao-khoa.com

b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Cộng đồng Kinh tế ASEAN là sự tiếp nối các chương trình hợp tác kinh tế của ASEAN trước đây, được mở rộng hơn về phạm vi, mức độ hợp tác kinh tế, thương mại,...



Hình 4. Các đại biểu tham dự Hội nghị Hội đồng Kinh tế ASEAN lần thứ 18 tại Thái Lan (2019)

EM CÓ BIẾT ?

Sau khi AEC thành lập, hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN gia tăng nhanh chóng. Thương mại giữa Việt Nam – ASEAN tăng từ hơn 41 tỉ USD (2016) lên hơn 70 tỉ USD (2021).

Nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm: tạo ra một thị trường và cơ sở sản xuất chung, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; xây dựng khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao, năng động, phát triển đồng đều, hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Hãy trình bày nội dung chính của Cộng đồng Kinh tế ASEAN.

c) Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC)

Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là một khuôn khổ hợp tác chặt chẽ với các quy định và tiêu chuẩn chung để tạo sự hài hoà, bình đẳng và công bằng xã hội, nâng cao ý thức về cộng đồng và bản sắc chung ASEAN.

TƯ LIỆU 4. *Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (2009)* xác định sáu nội dung chính bao gồm: Phát triển con người; Phúc lợi và bảo hiểm xã hội; Bình đẳng xã hội và các quyền; Bảo đảm bền vững về môi trường; Xây dựng bản sắc ASEAN; Thu hẹp khoảng cách phát triển.

(Theo Bộ Công Thương, *Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015*, NXB Thế giới, 2016, tr. 10)

Có nền tảng từ sự phát triển các giá trị văn hoá truyền thống lâu đời, Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN là một trụ cột quan trọng, gắn kết và tạo thuận lợi cho việc xây dựng hai trụ cột Kinh tế và Chính trị – An ninh.

Khai thác thông tin và Tư liệu 4 trong mục, hãy trình bày nội dung chính của Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN.

3 Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

• *Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015*

Sau khi thành lập Cộng đồng ASEAN, các nước ASEAN tiếp tục đưa ra định hướng cho một giai đoạn phát triển mới sau năm 2015 với nội dung định hướng là tiếp tục củng cố, làm sâu sắc hơn các lĩnh vực hợp tác.

Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (2020) đã nhất trí thông qua việc xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả ba trụ cột (Cộng đồng Chính trị – An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội), đồng thời bổ sung những nội dung mới như: hợp tác về chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh,...



Hình 5. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu chào mừng khai mạc Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020)

• *Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN*

Trong quá trình phát triển, Cộng đồng ASEAN phải đối mặt với những thách thức trong nội khối và từ bên ngoài.

Trong nội khối, những thách thức cơ bản đối với Cộng đồng ASEAN về chính trị là sự đa dạng về chế độ chính trị, tình hình chính trị ở một số nước còn phức tạp, còn tồn tại một số mâu thuẫn trong quan hệ song phương,... Về kinh tế, sự chênh lệch về thu nhập, trình độ phát triển,... giữa các nước gây khó khăn trong hợp tác nội khối; sự tương đồng trong sản xuất một số ngành nghề cũng tạo ra sự cạnh tranh trong xuất khẩu,…

Bên cạnh đó, những thách thức từ bên ngoài cũng tác động đến Cộng đồng ASEAN như: cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh,... Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.

EM CÓ BIẾT ?

Năm 2021, ASEAN là nền kinh tế lớn thứ năm thế giới với GDP khoảng 3 300 tỉ USD, dự báo đến năm 2030 sẽ trở thành nền kinh tế thứ tư thế giới.

Về triển vọng, ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới. Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.

Nêu những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Tóm tắt nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

2. Lập bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

Cộng đồng Chính trị – An ninh	Cộng đồng Kinh tế	Cộng đồng Văn hoá – Xã hội
?	?	?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet và vận dụng kiến thức đã học, hãy viết một bài giới thiệu ngắn về những hoạt động của em để góp phần xây dựng Cộng đồng ASEAN vững mạnh, phát triển.

CHỦ ĐỀ 3

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

BÀI 6 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Phân tích được ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.



Hình 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội)

Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trịnh trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện quan trọng, gắn với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cách mạng tháng Tám đã diễn ra trong bối cảnh nào, diễn biến ra sao? Vì sao nói: Cách mạng tháng Tám là sự kiện vĩ đại trong lịch sử dân tộc?

1 Bối cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

Từ ngày 17 – 7 – 1945 đến ngày 2 – 8 – 1945, Hội nghị Pốt-xđam quyết định giao việc giải giáp vũ khí của quân phiệt Nhật Bản ở Đông Dương cho quân Trung Hoa Dân quốc ở khu vực phía Bắc vĩ tuyến 16, cho quân Anh ở khu vực phía Nam vĩ tuyến 16. Ngày 6 và ngày 9 – 8 – 1945, Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản. Cũng trong ngày 9 – 8 – 1945, quân đội Xô viết tấn công đạo quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc.

Đến ngày 15 – 8 – 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện. Ngay sau khi Nhật Bản tuyên bố đầu hàng Đồng minh, quân Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim hoang mang. Điều kiện khách quan thuận lợi cho cuộc Tổng khởi nghĩa đã đến.

Trước đó, từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước đã diễn ra trong cả nước, góp phần chuẩn bị lực lượng, tập dượt cho quần chúng đấu tranh, sẵn sàng tổng khởi nghĩa giành chính quyền khi thời cơ đến.

Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập *Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc*, ban bố *Quân lệnh số 1*, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 14, 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang), thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Ngày 16, 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân được triệu tập tại Tân Trào. Đại hội tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.



Hình 2. Di tích Đình Tân Trào (xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang) – nơi diễn ra Đại hội Quốc dân (1945)

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2 Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945

Đến giữa tháng 8 – 1945, khí thế cách mạng đã sục sôi trong cả nước. Từ ngày 14 – 8, một số cấp bộ Đảng và tổ chức Việt Minh căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương đã phát động nhân dân khởi nghĩa.

Chiều ngày 16 – 8 – 1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào tiến về giải phóng tỉnh lị Thái Nguyên, mở đường tiến về Hà Nội.

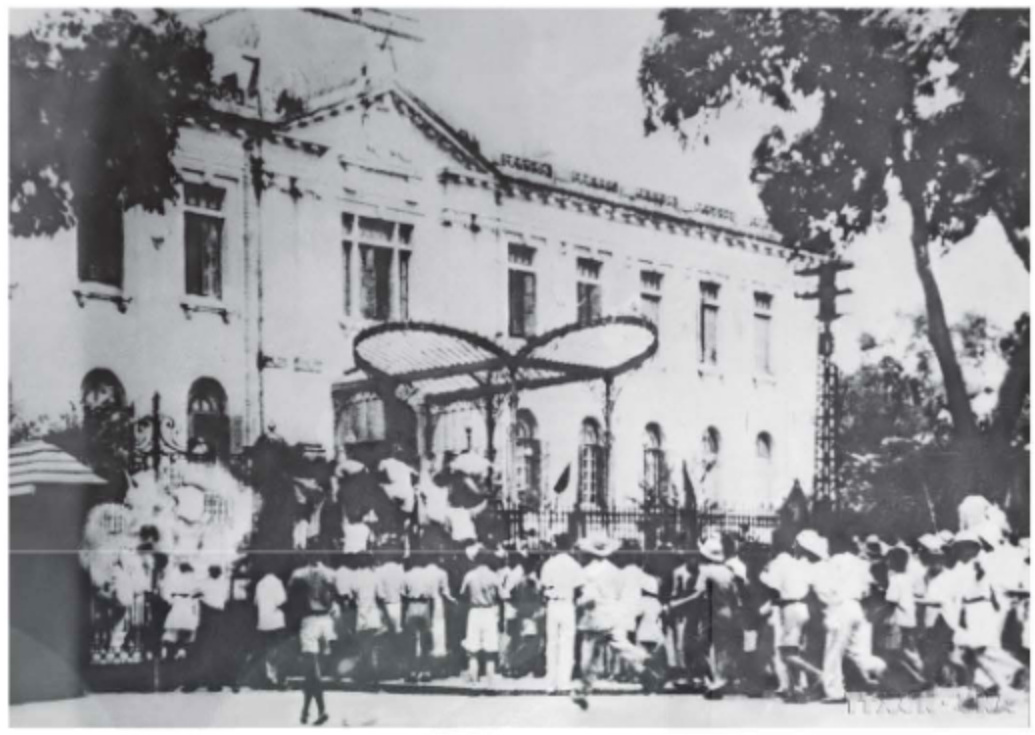
Ngày 18 – 8 – 1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh và Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lị sớm nhất trong cả nước.

Tại Hà Nội, ngày 19 – 8 – 1945, quần chúng cách mạng có sự hỗ trợ của các đội tự vệ chiến đấu lần lượt chiếm Phủ Khâm sai, Sở Cảnh sát Trung ương, Sở Bưu điện,… Đến tối, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi.

Tại Huế, ngày 23 – 8, hàng vạn quần chúng biểu tình thị uy, chiếm các công sở giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 25 – 8, sau khi chiếm được các cơ quan đầu não của chính quyền cũ như: Sở Mật thám, Sở Cảnh sát,... nhân dân Sài Gòn và các vùng phụ cận đã tham gia cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức, chính quyền cách mạng ra mắt nhân dân. Khởi nghĩa ở Sài Gòn giành thắng lợi.

Các địa phương khác trong cả nước từ rừng núi, nông thôn, thành thị nối tiếp nhau khởi nghĩa. Đến ngày 28 – 8, Đồng Nai Thượng và Hà Tiên là những địa phương cuối cùng giành chính quyền.



Hình 3. Nhân dân Hà Nội chiếm Phủ Khâm sai (19 – 8 – 1945)



Hình 4. Nhân dân Sài Gòn mít tinh mừng khởi nghĩa giành thắng lợi (25 – 8 – 1945)

Trong Cách mạng tháng Tám, trước áp lực và hoạt động khôn khéo của lực lượng cách mạng, quân Nhật ở Hà Nội và các địa phương phải án binh bất động, không can thiệp vào tiến trình khởi nghĩa. Nhờ đó, khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng và ít đổ máu.

Ngày 30 – 8 – 1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chế độ phong kiến Việt Nam hoàn toàn sụp đổ.

Ngày 2 – 9 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố với toàn thể nhân dân và thế giới sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

TƯ LIỆU 1. "Mới từ 12 giờ trưa, những nẻo đường dẫn vào vườn hoa Ba Đình, nơi được chọn để cử hành lễ ngày độc lập đã thấy cuồn cuộn những dòng người chảy đến. Đủ mặt các giới, các đoàn thể… Tất cả, hôm đó, đều không còn giữ sự phân biệt của mọi ngày thường về đẳng cấp, về tín ngưỡng, về nam nữ, về thế hệ,… Đến đây, ai cũng chỉ còn là một người dân Việt Nam giữa những người dân Việt Nam khác đi đón nhận lời tuyên bố chính thức về nền độc lập của nước nhà...".

(Báo *Cứu quốc* số 36, ngày 5 – 9 – 1945)

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, hãy trình bày những diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

3 Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

- *Nguyên nhân chủ quan*

Đường lối lãnh đạo cách mạng đúng đắn, sáng tạo

Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin để lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh đã linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo chớp thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền trong cả nước.

Truyền thống yêu nước, đoàn kết của nhân dân

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước, đoàn kết; vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc thì toàn dân đã đoàn kết, đồng lòng đứng lên cứu nước.

Quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo

Đảng Cộng sản Đông Dương đã có quá trình chuẩn bị liên tục trong suốt 15 năm. Lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng từng bước được xây dựng, củng cố; quần chúng được tập dượt đấu tranh. Trong quá trình khởi nghĩa giành chính quyền, có sự phối hợp sáng tạo giữa các lực lượng và hình thức đấu tranh: lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và đấu tranh ngoại giao.

• *Nguyên nhân khách quan*

Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít, đặc biệt là chiến thắng quân phiệt Nhật Bản, đã tạo ra điều kiện khách quan thuận lợi, củng cố niềm tin cho toàn Đảng, toàn dân vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam.

Nêu nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

b) Ý nghĩa lịch sử

TƯ LIỆU 2. "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 25)

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là sự kiện lịch sử vĩ đại, đã lật đổ ách cai trị của thực dân Pháp trong hơn 80 năm, của quân phiệt Nhật Bản gần 5 năm; chấm dứt thời kì quân chủ hơn 1000 năm; lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng hoạt động bí mật trở thành đảng cầm quyền, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước.

Cách mạng tháng Tám đã đánh dấu một bước tiến nhảy vọt trong lịch sử dân tộc: mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do và phát triển dưới chế độ dân chủ cộng hoà.

Cuộc cách mạng đã chứng tỏ năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự sáng tạo và tinh thần yêu nước của nhân dân; chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.

Về mặt quốc tế, Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ, tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống phát xít, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân và cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc trên thế giới.

Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, phân tích ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Bài học kinh nghiệm

– *Bài học về sự lãnh đạo của Đảng:* Đảng là nhân tố quyết định đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Do đó, Đảng phải có đường lối đúng đắn trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào thực tiễn Việt Nam; chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo cách mạng.

– *Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc:* Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 gắn liền với vai trò quan trọng của Mặt trận Việt Minh trong tập hợp, tổ chức và đoàn kết toàn dân. Thực tiễn đó cho thấy, cần có các hình thức phong phú, sáng tạo để tập hợp, tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các phong trào thi đua để khơi dậy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết dân tộc.

– *Bài học về nắm bắt thời cơ:* Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám cho thấy cần xác định đúng thời cơ, chủ động và mau lẹ chớp thời cơ hành động nhằm đưa cách mạng đến thành công.

Phân tích bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) về diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Cách mạng tháng Tám năm 1945 có ý nghĩa bước ngoặt và để lại nhiều bài học đối với lịch sử dân tộc Việt Nam. Hãy dựa vào kiến thức trong bài học để làm rõ nhận định trên.

Vận dụng kiến thức đã học, hãy cho biết những bài học kinh nghiệm nào từ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể được vận dụng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

BÀI 7 CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.



Hình 1. Tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" (Hà Nội)

"Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" là lời biểu dương trong bức thư Chủ tịch Hồ Chí Minh viết ngày 27 – 1 – 1947 gửi các chiến sĩ Cảm tử quân Thủ đô. Tượng đài "Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh" được xây dựng ở trung tâm Thủ đô Hà Nội, là một trong những biểu tượng của tinh thần bất khuất, dũng cảm của quân dân Việt Nam trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ trong bối cảnh lịch sử nào, diễn biến ra sao? Vì sao cuộc kháng chiến giành thắng lợi? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

1 Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa đang hình thành. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ phát triển ở các nước tư bản. Sự hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và tình trạng chiến tranh lạnh cũng tác động sâu sắc đến tình hình Việt Nam.

Ở Việt Nam, nhân dân đã giành quyền làm chủ, bước đầu được hưởng những quyền lợi do chế độ mới mang lại nên đồng lòng ủng hộ cách mạng. Tuy nhiên, cách mạng Việt Nam cũng đứng trước những thử thách to lớn như: Quân đội các nước đế quốc dưới danh nghĩa Đồng minh kéo vào Việt Nam, các thế lực phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng, trên đất nước vẫn còn khoảng sáu vạn quân Nhật chờ giải giáp,... Trong khi đó, chính quyền và lực lượng vũ trang cách mạng còn non trẻ. Nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá, những tàn dư của chế độ cũ còn hết sức nặng nề.

Trong bối cảnh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", Chính phủ Pháp quyết định thành lập một đạo quân viễn chinh, đồng thời cử Đác-giăng-li-ơ làm Cao ủy ở Đông Dương nhằm thực hiện dã tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa.

Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

2 Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược

Ngày 2 – 9 – 1945, trong khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng "Ngày Độc lập", quân Pháp đã bất ngờ xả súng vào đồng bào ta. Đêm 22, rạng sáng 23 – 9 – 1945, thực dân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban hành chính Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.

Trước tình hình đó, ngày 23 – 9 – 1945, *Uỷ ban kháng chiến Nam Bộ* được thành lập. Quân dân Nam Bộ ra sức củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và tổ chức chiến đấu nhằm kìm chân quân Pháp trong các thành phố, thị xã ở phía Nam vĩ tuyến 16.

Đảng và Chính phủ đã huy động cả nước chi viện cho Nam Bộ. Các đơn vị "Nam tiến" được thành lập và khẩn trương lên đường vào Nam chiến đấu.

Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ bước đầu làm thất bại âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp.



Hình 2. Nhân dân Nam Bộ biểu thị quyết tâm kháng chiến (1945)

Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ chống thực dân Pháp xâm lược trở lại.

b) Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

Sau khi thực dân Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí *Hiệp ước Hoa – Pháp* (28 – 2 – 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ* (6 – 3 – 1946) và *Tạm ước* (14 – 9 – 1946). Mặc dù Chính phủ Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí hoà bình nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh xâm lược cả nước ta. Ngày 18 – 12 – 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đòi giải tán lực lượng chiến đấu và để quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

TƯ LIỆU 1. "...Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kì đàn ông, đàn bà, bất kì người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước...".

(Trích *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* trong *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 534)

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi quân sự tiêu biểu.

Bảng tóm tắt một số thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm 1946 – 1950

Những thắng lợi quân sự tiêu biểu	Nội dung chính
Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16	– Diễn ra từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 2 – 1947 ở các đô thị như: Nam Định (nay thuộc tỉnh Ninh Bình), Vinh (tỉnh Nghệ An),... Đặc biệt, ở Hà Nội, các trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Bắc Bộ Phủ, Bưu điện Bờ Hồ, ga Hàng Cỏ, phố Khâm Thiên,... – Kết quả: đã giam chân quân Pháp ở Hà Nội và các thành phố, thị xã; lực lượng quân chủ lực của ta đã chủ động rút lui an toàn ra căn cứ kháng chiến. – Ý nghĩa: làm thất bại một bước kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp; có thêm thời gian để di chuyển cơ quan kháng chiến, cơ sở vật chất,... lên chiến khu; củng cố niềm tin của quân dân cả nước vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

sach-giao-khoa.com

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947	– Diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947 khi thực dân Pháp mở cuộc tấn công lên Việt Bắc. Quân đội Việt Nam chủ động bao vây, tiến công đẩy lùi quân Pháp khỏi một số vị trí quan trọng: Chợ Đồn, Chợ Rã (tỉnh Thái Nguyên), Đoan Hùng (tỉnh Phú Thọ),… – Kết quả: Sau hai tháng, đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc; cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến được bảo vệ an toàn; bộ đội ta thu được nhiều vũ khí và ngày càng trưởng thành. – Ý nghĩa: Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên, đã làm thất bại hoàn toàn chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến.
Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950	– Diễn ra từ tháng 9 đến tháng 10 – 1950 ở khu vực biên giới Việt – Trung. Quân đội Việt Nam tấn công cứ điểm Đông Khê (tỉnh Cao Bằng), mai phục, chặn đánh quân Pháp ở nhiều nơi trên Đường số 4, buộc chúng phải rút chạy. – Kết quả: Sau gần một tháng, quân ta đã giải phóng được khu vực biên giới rộng lớn, mở đường liên lạc quốc tế, bảo vệ được căn cứ địa Việt Bắc, chọc thủng Hành lang Đông – Tây, làm phá sản Kế hoạch Rơ-ve của Pháp. – Ý nghĩa: Đây là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam. Từ đây, quân đội Việt Nam đã giành được thế chủ động trên chiến trường chính (Bắc Bộ), mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 – 1950.

c) Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)

Trong những năm 1951 – 1953, cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp có những bước phát triển mới trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự.

Tháng 2 – 1951, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng đã quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước một Đảng Mác – Lê-nin riêng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam và khẳng định, bổ sung, hoàn chỉnh đường lối kháng chiến.

TƯ LIỆU 2. "Vậy nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là gì? là:

a) Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, làm cho Việt Nam hoàn toàn thống nhất và độc lập (phản đế);

b) Xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân (phản phong kiến);

c) Gây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2001, tr. 75)



Hình 3. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương ở xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), tỉnh Tuyên Quang

Ngày 3 – 3 – 1951, Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) ra đời trên cơ sở hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

Năm 1952, cuộc vận động sản xuất và tiết kiệm được phát động, đã trở thành một phong trào quần chúng sôi nổi, lôi cuốn mọi ngành, mọi giới tham gia. Các ngành kinh tế cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cuộc kháng chiến và đời sống nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển.

Tháng 12 – 1953, Quốc hội thông qua *Luật Cải cách ruộng đất* và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất ở vùng tự do.

Quân đội Việt Nam liên tiếp mở những chiến dịch tiến công, tiếp tục giữ vững quyền chủ động trên chiến trường như: ba chiến dịch là Trần Hưng Đạo (Trung du), Hoàng Hoa Thám (Đường số 18), Quang Trung (Hà – Nam – Ninh) (từ cuối năm 1950 đến giữa năm 1951); sau đó là chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

EM CÓ BIẾT ?

Giữa lúc cuộc kháng chiến đang diễn ra quyết liệt, Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất được tổ chức tại chiến khu Việt Bắc (1952), đã tuyên dương những anh hùng đầu tiên tiêu biểu cho phong trào thi đua yêu nước của cả nước. Tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua".

sách-giáo-khoa.com

Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1953.

d) Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)

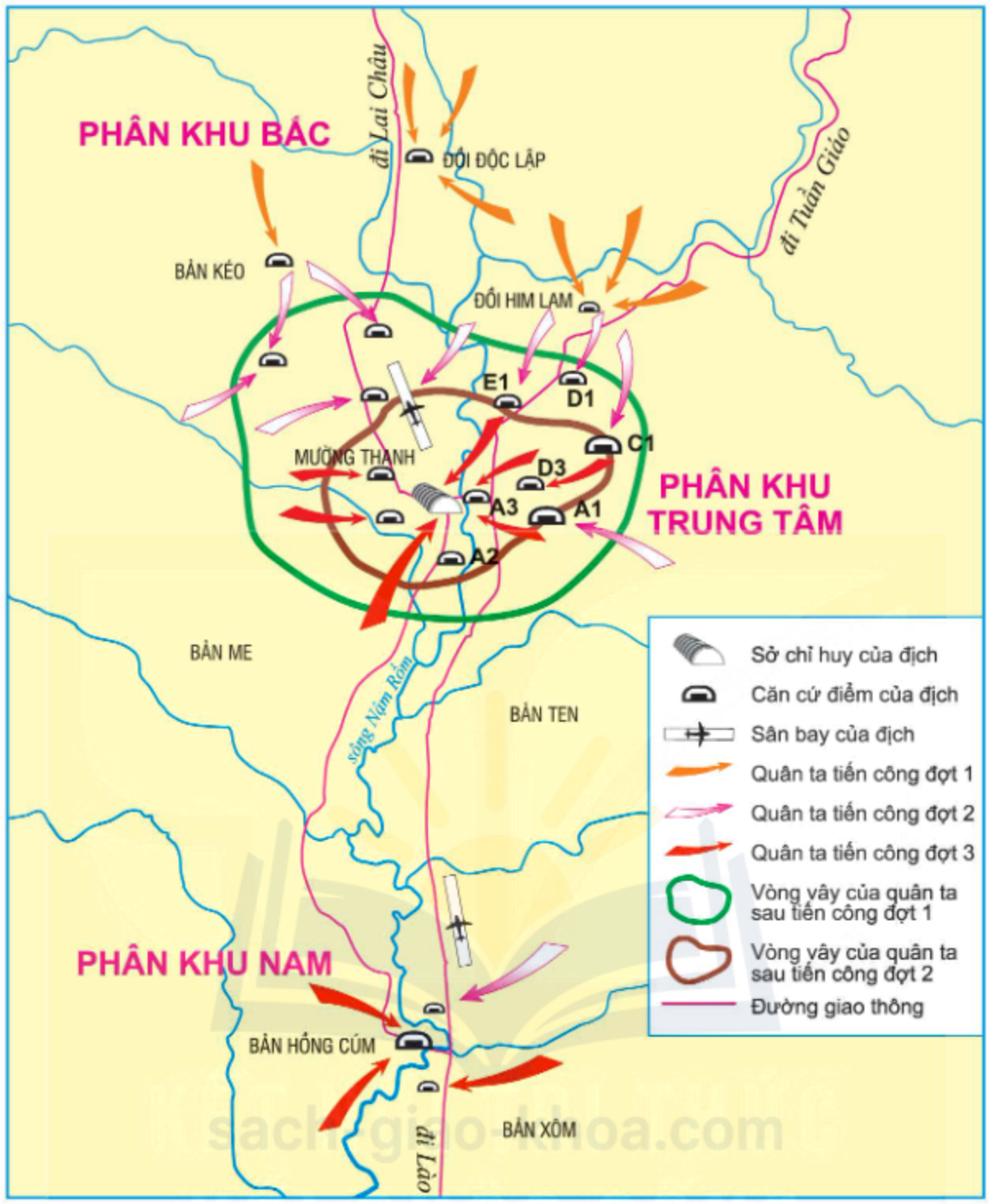


Hình 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định chủ trương tác chiến Đông – Xuân 1953 – 1954

Được sự thoả thuận của Mỹ, tháng 7 – 1953, thực dân Pháp đề ra *Kế hoạch Na-va* với hi vọng trong vòng 18 tháng giành một thắng lợi quân sự quyết định để kết thúc chiến tranh trong danh dự.

Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 của quân dân Việt Nam đã làm phá sản bước đầu Kế hoạch Na-va, đồng thời chuẩn bị về vật chất và tinh thần để mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ trải qua 56 ngày đêm (từ ngày 13 – 3 – 1954 đến ngày 7 – 5 – 1954) với ba đợt.



Hình 5. Lược đồ diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ

Đợt 1: từ ngày 13 – 3 đến ngày 17 – 3 – 1954	Đợt 2: từ ngày 30 – 3 đến ngày 26 – 4 – 1954	Đợt 3: từ ngày 1 – 5 đến ngày 7 – 5 – 1954
Quân ta tiến công cụm cứ điểm Him Lam và đồi Độc Lập, bức hàng cứ điểm Bản Kéo.	Quân ta tiến công các cứ điểm phía đông phân khu Trung tâm; tiến công và kiểm soát sân bay Mường Thanh, hạn chế việc tiếp viện của quân Pháp.	Quân ta đồng loạt tiến công phân khu Trung tâm và phân khu Nam. Đến 17 giờ 30 ngày 7 – 5, tướng Đờ Ca-xtơ-ri cùng toàn bộ Bộ Tham mưu của Pháp đầu hàng.

Hình 6. Sơ đồ diễn biến chính chiến dịch Điện Biên Phủ

Thắng lợi ở Điện Biên Phủ đã tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (21 – 7 – 1954).

Pháp buộc phải rút quân về nước, Mỹ thất bại trong âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh xâm lược Đông Dương. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, chuyển sang thời kì cách mạng xã hội chủ nghĩa.

1. Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1953 – 1954.

2. Chiến thắng Điện Biên Phủ có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Đông Dương?

Kết nối với văn học

Kí ức về chiến dịch Điện Biên Phủ đã để lại ấn tượng sâu sắc đối với nhiều thế hệ người Việt Nam qua bài thơ *Hoan hô chiến sĩ Điện Biên* của Tố Hữu:

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm,
khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn!
...

3 Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Nguyên nhân thắng lợi

• *Nguyên nhân chủ quan*

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo.

Toàn dân, toàn quân đã phát huy được tinh thần yêu nước, đoàn kết, sáng tạo trong chiến đấu và sản xuất.

Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất không ngừng được củng cố và mở rộng; lực lượng vũ trang được xây dựng không ngừng lớn mạnh; hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.



Hình 7. Dân công dùng xe đạp thồ phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ

• *Nguyên nhân khách quan*

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam được tiến hành với sự ủng hộ, đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân Lào và Cam-pu-chia trong Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào.

Cuộc kháng chiến nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

Hãy nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Ý nghĩa lịch sử

TƯ LIỆU 3. "Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 410)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của thực dân Pháp trên đất nước Việt Nam.

Với thắng lợi này, nhân dân Việt Nam đã bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám, đưa cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì mới: Miền Bắc được giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiếp tục nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, nô dịch của chủ nghĩa đế quốc sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Cùng với nhân dân Lào và Cam-pu-chia, cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã đập tan ách thống trị của thực dân Pháp trên toàn bán đảo Đông Dương, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Thắng lợi này đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh, góp phần tăng cường sức mạnh của các lực lượng cách mạng trên thế giới.

Khai thác thông tin và Tư liệu 3 trong mục, hãy phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954) trải qua những giai đoạn nào? Hãy lập bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về diễn biến chính của mỗi giai đoạn.

STT	Giai đoạn	Diễn biến chính
1	?	?

2. Theo em, vì sao thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lại cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet, hãy giới thiệu về một di tích, một thắng lợi quân sự hoặc một nhân vật lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

BÀI 8 CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Bức ảnh *Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị* được chụp vào tháng 8 – 1972, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang diễn ra ác liệt. Các chiến sĩ bên Thành cổ tiêu biểu cho thế hệ thanh niên "*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai.*" Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước diễn ra trong bối cảnh lịch sử nào, trải qua mấy giai đoạn? Theo em, vì sao nhân dân Việt Nam có thể tiến hành kháng chiến thành công? Cuộc kháng chiến có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc và thời đại?



Hình 1. Bức ảnh *Nụ cười chiến thắng bên Thành cổ Quảng Trị* (Doãn Công Tính chụp)

1 Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Ngay sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên chính quyền tay sai đứng đầu là Ngô Đình Diệm (chính quyền Sài Gòn) ở miền Nam Việt Nam. Âm mưu của Mỹ là chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở khu vực này.

Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam phải tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện hoà bình, thống nhất nước nhà.

Trên thế giới, hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mở rộng, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tuy nhiên, sự đối đầu giữa hai phe: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu

và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trụ cột mà đỉnh cao là Chiến tranh lạnh đã tác động rất lớn đến cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Trình bày khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

2 Các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Giai đoạn 1954 – 1960

Miền Bắc: Nhân dân miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội.

Thực hiện cải cách ruộng đất, khẩu hiệu "Người cày có ruộng" đã trở thành hiện thực, giai cấp địa chủ phong kiến bị xoá bỏ, giai cấp nông dân được giải phóng và trở thành người làm chủ ở nông thôn.

Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được toàn dân hưởng ứng tích cực và triển khai trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Thực hiện nhiệm vụ cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội đã làm cho cơ cấu kinh tế – xã hội miền Bắc có sự thay đổi, tạo tiền đề để miền Bắc phát triển trong giai đoạn tiếp theo cũng như thực hiện nghĩa vụ hậu phương đối với miền Nam.

Miền Nam: Quân dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, bảo vệ hoà bình, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng khởi.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 15 của Đảng Lao động Việt Nam (năm 1959) khẳng định: ngoài con đường sử dụng bạo lực cách mạng, nhân dân miền Nam không còn con đường nào khác. Nghị quyết đã thổi bùng lên phong trào Đồng khởi (1959 – 1960).

Phong trào Đồng khởi bắt đầu từ các cuộc nổi dậy của nhân dân Vĩnh Thạnh (nay thuộc tỉnh Gia Lai), Bác Ái (nay thuộc tỉnh Khánh Hoà) vào tháng 2 – 1959; Trà Bồng (tỉnh Quảng Ngãi) vào tháng 8 – 1959, rồi lan khắp miền Nam, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long) vào tháng 1 – 1960.

EM CÓ BIẾT ?

"Đội quân tóc dài" (bao gồm những người phụ nữ vừa làm ruộng vừa chiến đấu) ra đời từ phong trào Đồng khởi Bến Tre, do Nguyễn Thị Định lãnh đạo đã được nhân rộng khắp miền Nam, trở thành một hiện tượng độc đáo của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, làm rạng rỡ thêm truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.



Hình 2. Nhân dân Bến Tre biểu tình trong phong trào Đồng khởi (1960)

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay chính quyền Ngô Đình Diệm. Thắng lợi này đồng thời đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam, chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, mở ra vùng giải phóng rộng lớn, đưa đến việc thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960), thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

Trình bày khái quát những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1960.

b) Giai đoạn 1961 – 1965

Giữa lúc cách mạng ở hai miền Nam – Bắc có những bước tiến quan trọng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960) được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước, vai trò, vị trí của cách mạng từng miền và mối quan hệ giữa cách mạng hai miền.

EM CÓ BIẾT ?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã xác định: Cách mạng miền Bắc có vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam có vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam. Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết và có tác dụng thúc đẩy lẫn nhau.

Ở miền Bắc: Nhân dân miền Bắc tiến hành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965) với trọng tâm là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ cơ bản là ra sức phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân,… Những thành tựu đạt được làm thay đổi bộ mặt xã hội miền Bắc. Miền Bắc còn làm nghĩa vụ hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Từ năm 1961 đến năm 1963, miền Bắc đã chi viện cho miền Nam khoảng bốn vạn cán bộ, chiến sĩ và khối lượng lớn vũ khí, đạn dược, thuốc men,...

Ở miền Nam: Nhân dân miền Nam đẩy mạnh chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) do Mỹ và chính quyền Sài Gòn triển khai.

"Chiến tranh đặc biệt" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn dưới sự chỉ huy của "cố vấn" Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kĩ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là dùng người Việt đánh người Việt. Mỹ đề ra kế hoạch Xta-lây – Tay-lo mà nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Mỹ tăng cường viện trợ cho chính quyền Ngô Đình Diệm, tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng phổ biến các chiến thuật mới như "trực thăng vận", "thiết xa vận".

Trên mặt trận chính trị, phong trào diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo.

EM CÓ BIẾT ?

Để đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến, ngày 15 – 2 – 1961, các lực lượng vũ trang cách mạng thống nhất thành Quân Giải phóng miền Nam.

Trên mặt trận chống bình định, nhân dân miền Nam đã làm phá sản "quốc sách" lập "ấp chiến lược" của Mỹ – chính quyền Ngô Đình Diệm.



Hình 3. Quân dân miền Nam phá "ấp chiến lược" khiêng nhà về nơi ở cũ

Trên mặt trận quân sự, chiến thắng Ấp Bắc, Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp) vào tháng 1 – 1963 đã mở ra khả năng đánh bại chiến thuật "trực thăng vận, thiết xa vận", chứng minh khả năng quân dân Việt Nam có thể đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Sau chiến thắng Ấp Bắc, một phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam. Trong những năm 1964 – 1965, quân ta tiến công và thắng lợi ở Bình Giã (nay thuộc Thành phố Hồ Chí Minh), An Lão (nay thuộc tỉnh Gia Lai), Ba Gia (tỉnh Quảng Ngãi), Đồng Xoài (nay thuộc tỉnh Đồng Nai), làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ.

Trình bày khái quát những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1961 – 1965.

c) Giai đoạn 1965 – 1968

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (1965 – 1968) ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Nhân dân hai miền Nam – Bắc trực tiếp chiến đấu chống Mỹ.

Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" được bắt đầu từ giữa năm 1965, là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Mỹ, quân đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn.

Ở miền Nam: Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Trên mặt trận chính trị, với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã phá vỡ thêm nhiều "ấp chiến lược". Ở các thành thị, phong trào phản đối chiến tranh của quần chúng diễn ra rất sôi nổi. Vùng giải phóng được mở rộng, uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ngày càng được nâng cao.

Thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ", quân Mỹ vừa mới vào miền Nam đã cho mở ngay cuộc hành quân "tìm diệt" vào căn cứ của Quân Giải phóng ở Vạn Tường (tỉnh Quảng Ngãi). Với ý chí "Quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược", quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi ở Vạn Tường (18 – 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ" về quân sự. Tiếp đó, quân dân miền Nam tiếp tục đập tan cuộc phản công của quân Mỹ và đồng minh trong hai mùa khô 1965 – 1966 và 1966 – 1967.

Bước vào đầu năm 1968 (Xuân Mậu Thân), quân dân ta mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là ở các đô thị.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải "phi Mỹ hoá" chiến tranh xâm lược (tức thừa nhận thất bại của "Chiến tranh cục bộ"), chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chấp nhận đàm phán ở Pa-ri để bàn về chấm dứt chiến tranh.



Hình 4. Quân Giải phóng làm chủ đường Lê Lợi (Sài Gòn, nay là Thành phố Hồ Chí Minh) trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968

Ở miền Bắc: Sau khi dựng lên sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" (8 – 1964), Mỹ chính thức mở rộng chiến tranh bằng không quân và hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ nhất (2 – 1965).

Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa tiếp tục phát triển kinh tế – xã hội và thực hiện nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến miền Nam.

Trong hơn 4 năm, miền Bắc bắn rơi, phá huỷ 3 243 máy bay, trong đó có 6 máy bay B52, loại khỏi vòng chiến đấu nhiều phi công, bắn cháy và chìm 143 tàu chiến. Hơn 30 vạn cán bộ, chiến sĩ cùng hàng chục vạn tấn vũ khí, quân trang, quân dụng, lương thực, thực phẩm,… từ miền Bắc được chuyển vào miền Nam, tăng gấp 10 lần so với giai đoạn trước.

Quân dân hai miền Nam, Bắc đã đạt được những thắng lợi nào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1968?

d) Giai đoạn 1969 – 1973

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" (1969 – 1973) ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai.

Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là loại hình chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng lực lượng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân, hậu cần của Mỹ và vẫn do "cố vấn" Mỹ chỉ huy. Triển khai chiến lược này, quân Mỹ và quân đồng minh rút dần khỏi chiến tranh để giảm xương máu của quân Mỹ trên chiến trường, đồng thời tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn, mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương.

Ở miền Nam: Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ.

Ngày 6 – 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra đời. Đây là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam.

Trong những năm 1970 – 1972, nhân dân ba nước Đông Dương đã giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược về quân sự và chính trị.

Tháng 4 – 1970, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia được tổ chức, biểu thị quyết tâm chống Mỹ.

Từ ngày 30 – 4 đến ngày 30 – 6 – 1970, với sự phối hợp của quân dân Cam-pu-chia, quân đội Việt Nam đã đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sang đất Cam-pu-chia.

Trong hơn 1 tháng (từ tháng 2 đến tháng 3 – 1971), quân dân Việt Nam có sự phối hợp của quân dân Lào đã giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 9 – Nam Lào, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương, trực tiếp mở ra thế tiến công mới cho cách mạng.

Từ tháng 3 – 1972, quân đội Việt Nam mở cuộc Tiến công chiến lược vào Quảng Trị rồi phát triển rộng khắp chiến trường miền Nam, chọc thủng ba phòng tuyến của địch ở Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 đã buộc Mỹ phải thừa nhận thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

EM CÓ BIẾT ?

Trong thời kì chống Mỹ, cứu nước, việc tiếp tế và chi viện thường xuyên cho miền Nam được thực hiện thông qua nhiều con đường: đường Hồ Chí Minh trên bộ (đường Trường Sơn), đường Hồ Chí Minh trên biển, đường xăng dầu để vận chuyển nhiên liệu, đường hàng không và đường chuyển ngân để chuyển tiền từ Bắc vào Nam.



Hình 5. Đại đội 4 pháo cao xạ bảo vệ bầu trời Hà Nội trong trận "Điện Biên Phủ trên không" năm 1972

Ở miền Bắc: Quân dân miền Bắc tiến hành khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, tiếp tục làm nghĩa vụ hậu phương và đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ.

Miền Bắc vẫn đảm bảo tiếp nhận hàng viện trợ từ bên ngoài và chi viện cho tiền tuyến miền Nam và cả chiến trường Lào, Cam-pu-chia.

Với tư thế luôn sẵn sàng chiến đấu, quân dân miền Bắc đã chủ động, kịp thời giáng trả ngay từ trận đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân và hải quân của Mỹ (bắt đầu từ ngày 16 – 4 – 1972), đặc biệt đã đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972). Thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không", buộc Mỹ phải trở lại bàn hội nghị và kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

Trình bày khái quát những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1969 – 1973.

e) Giai đoạn 1973 – 1975

Sau khi Hiệp định Pa-ri năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết, Mỹ phải rút hết quân về nước, so sánh lực lượng thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng Việt Nam.

Ở miền Bắc: Nhân dân bắt tay khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, ra sức chi viện cho miền Nam.

Trong hai năm 1973 – 1974, miền Bắc chi viện cho các chiến trường miền Nam, Lào, Cam-pu-chia gần 20 vạn bộ đội, hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ chuyên môn.

Ở miền Nam: Mỹ vẫn giữ lại hơn 2 vạn "cố vấn" quân sự, tiếp tục viện trợ quân sự, kinh tế cho chính quyền Sài Gòn. Chính quyền Sài Gòn ngang nhiên phá hoại Hiệp định Pa-ri. Tháng 7 – 1973, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 nhấn mạnh: Trong bất cứ tình hình nào cũng phải tiếp tục con đường bạo lực cách mạng, phải nắm vững chiến lược tiến công, kiên quyết đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, quân dân miền Nam vừa kiên quyết đánh trả địch, vừa chủ động mở những cuộc tiến công, mở rộng vùng giải phóng.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam đã giành thắng lợi trong chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Chiến thắng này cùng những phản ứng của Mỹ và chính quyền Sài Gòn sau đó cho thấy rõ về sự lớn mạnh, khả năng thắng lớn của quân ta, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, về khả năng can thiệp bằng quân sự trở lại của Mỹ là rất hạn chế.



Hình 6. Bộ Chính trị họp Hội nghị mở rộng quyết định kế hoạch giải phóng miền Nam (1 – 1975)

Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, trải qua ba chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng và chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh).

Chiến dịch Tây Nguyên diễn ra từ ngày 4 – 3, đến ngày 24 – 3 thì kết thúc thắng lợi. Ngày 26 – 3, thành phố Huế và toàn tỉnh Thừa Thiên được giải phóng. Đà Nẵng rơi vào thế cô lập và đến chiều 29 – 3 cũng được hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Huế – Đà Nẵng kết thúc thắng lợi.

TƯ LIỆU 1. "Ngày 7 – 4 – 1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh ra mệnh lệnh cho các cánh quân: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa; táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng"…

(Võ Nguyên Giáp, *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, NXB Chính trị quốc gia, 2010, tr. 278, 280)



Sau khi tiêu diệt căn cứ phòng thủ Phan Rang và Xuân Lộc, 5 giờ chiều ngày 26 – 4, năm cánh quân cùng lúc tiến vào trung tâm thành phố, đánh chiếm các cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn. 11 giờ 30 phút ngày 30 – 4, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Hình 7. Nhân dân Sài Gòn chào mừng Quân Giải phóng tiến vào thành phố (30 – 4 – 1975)

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, hãy trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.

3 Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

a) Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành thắng lợi do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối đồng thời tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, phát triển không ngừng nghệ thuật chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh quân sự – chính trị – ngoại giao, kết hợp một cách đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Nhân dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, đoàn kết, lao động cần cù, chiến đấu dũng cảm tạo nên sức mạnh để chiến thắng. Hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời các yêu cầu của cuộc chiến đấu ở hai miền.

EM CÓ BIẾT ?

Trong những năm 1955 – 1975, Liên Xô viện trợ về kinh tế – kĩ thuật cho Việt Nam trị giá khoảng 2,1 tỉ rúp và nhiều vũ khí, phương tiện quân sự,... phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho chiến trường miền Nam.

Cuộc kháng chiến thắng lợi còn do có sự phối hợp chiến đấu, đoàn kết giúp đỡ nhau chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương; sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ to lớn của các lực lượng hoà bình, dân chủ trên thế giới, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa; phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới,...

Nêu nguyên nhân thắng lợi của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Ý nghĩa lịch sử

TƯ LIỆU 2. "Năm tháng sẽ trôi qua nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 37, NXB Chính trị quốc gia, 2004, tr. 457)

Đối với Việt Nam

– Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng; chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước Việt Nam.

– Cuộc kháng chiến đã kết thúc thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước; mở ra kỉ nguyên cả nước hoà bình, độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đối với quốc tế

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của nhân dân thế giới.

Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, hãy phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập sơ đồ tư duy thể hiện nội dung chính các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

2. Hãy nêu một số sự kiện tiêu biểu thể hiện bước phát triển trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

1. Hãy sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, xây dựng bài giới thiệu (theo ý tưởng của em) về một trong hai chủ đề sau:

a) Về một sự kiện hoặc nhân vật lịch sử tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Về một phong trào phản chiến, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược trên thế giới.

2. Nêu những việc mà em có thể thực hiện để thể hiện lòng biết ơn đối với các thương binh, liệt sĩ và những người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

BÀI 9 CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
- Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.
- Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.
- Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

Hình bên khắc hoạ hình ảnh một chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc năm 1979 ở biên giới phía Bắc. Hình ảnh gợi cho em suy nghĩ gì? Hãy chia sẻ hiểu biết của em về các cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay, cũng như một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.



Hình 1. Người lính trong tư thế sẵn sàng chiến đấu bên cột mốc biên giới số 0 Lạng Sơn

1 Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, Việt Nam chuyển sang giai đoạn độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Độc lập và thống nhất trở thành điều kiện cơ bản nhằm phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kì lịch sử mới.

Tuy nhiên, hậu quả của chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề; đất nước lại bị Mỹ bao vây, cấm vận; mối quan hệ giữa Việt Nam – Trung Quốc – Cam-pu-chia đã xuất hiện một số vấn đề phức tạp.

Tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, xu thế hoà hoãn Đông – Tây xuất hiện từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra nhiều nơi trên thế giới.



Hình 2. Kì họp thứ nhất của Quốc hội khoá VI (1976) – kì họp quyết định nhiều vấn đề quan trọng để thống nhất đất nước về mặt Nhà nước

Trình bày những nét khái quát về bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.

2 Các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam

Sau khi lên nắm quyền (4 – 1975), chính quyền Pôn Pốt đã phát động chiến tranh xâm lược biên giới Tây Nam của Việt Nam. Từ tháng 5 – 1975, quân Pôn Pốt gây ra nhiều vụ hành quân khiêu khích, xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam như: đánh chiếm đảo Phú Quốc, đảo Thổ Chu và xâm nhập nhiều vùng biên giới trên đất liền Việt Nam. Ngày 30 – 4 – 1977, quân Pôn Pốt mở cuộc tấn công dọc phần lớn tuyến biên giới tỉnh An Giang ngày nay.

Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam diễn ra qua hai giai đoạn:

Giai đoạn 1 (từ ngày 30 – 4 – 1977 đến ngày 5 – 1 – 1978): Quân Pôn Pốt tấn công dọc tuyến biên giới, tàn sát dân thường,… Cùng với việc tổ chức lực lượng vũ trang đánh lui quân địch, Đảng và Nhà nước Việt Nam nỗ lực hoạt động ngoại giao nhằm tìm kiếm giải pháp hoà bình.

Giai đoạn 2 (từ ngày 6 – 1 – 1978 đến ngày 7 – 1 –1979): Quân Pôn Pốt tiến hành xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Ngày 22 – 12 – 1978, quân Pôn Pốt huy động 19 sư đoàn bộ binh cùng nhiều đơn vị pháo binh, xe tăng tấn công quy mô lớn vào tỉnh Tây Ninh. Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân Việt Nam mở cuộc tổng phản công, làm tan rã đại bộ phận quân chủ lực đối phương. Theo yêu cầu của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, quân tình nguyện Việt Nam cùng quân dân Cam-pu-chia đánh đổ chính quyền Pôn Pốt. Ngày 7 – 1 – 1979, Thủ đô Phôm Pênh (Cam-pu-chia) được hoàn toàn giải phóng.

EM CÓ BIẾT ?

Khu di tích Nhà mồ Ba Chúc là nơi tưởng niệm và lưu giữ hài cốt của những người dân vô tội bị quân Pôn Pốt sát hại. Chỉ trong vòng 12 ngày đêm (từ ngày 18 – 4 đến ngày 30 – 4 – 1978), quân Pôn Pốt đã sát hại hơn 3 000 người dân Ba Chúc. Công trình tưởng niệm này cũng khẳng định tính nhân văn, chính nghĩa của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tinh thần quốc tế cao cả của nhân dân Việt Nam.



Hình 3. Khu di tích Nhà mồ Ba Chúc (tỉnh An Giang)

Trình bày khái quát diễn biến chính cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam.

b) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc

Từ giữa năm 1975, tình hình quan hệ Việt Nam – Trung Quốc dần trở nên căng thẳng. Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật và khiêu khích, xâm phạm ở khu vực biên giới phía Bắc của Việt Nam.

Sáng ngày 17 – 2 – 1979, hàng chục vạn quân Trung Quốc tấn công dọc tuyến biên giới phía Bắc dài hơn 1 000 km của Việt Nam, từ Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh) đến Phong Thổ (tỉnh Lai Châu). Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu. Nhiều trận chiến diễn ra quyết liệt ở các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Lào Cai,... đã làm thất bại mục tiêu "đánh nhanh, thắng nhanh" của quân đội Trung Quốc.

Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối mạnh mẽ của dư luận, Trung Quốc phải tuyên bố rút quân từ ngày 5 – 3 – 1979. Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc tiếp tục căng thẳng kéo dài cho tới cuối năm 1989, đặc biệt là ở mặt trận Vị Xuyên, tỉnh Hà Tuyên (nay thuộc tỉnh Tuyên Quang).

EM CÓ BIẾT ?

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc, Vị Xuyên là địa bàn trọng điểm bị quân Trung Quốc tiến hành lấn chiếm và phá hoại so với toàn tuyến biên giới phía Bắc. Chỉ riêng mặt trận Vị Xuyên, trong 5 năm ác liệt nhất (1984 – 1989) đã có gần 5 000 chiến sĩ hi sinh.



Hình 4. Một phần nghĩa trang liệt sĩ Vị Xuyên (tỉnh Tuyên Quang)

Trình bày khái quát diễn biến chính cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc.

c) Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Ngày 12 – 5 – 1977, Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra *Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam.* Năm 1994, Việt Nam là quốc gia thứ 63 phê chuẩn *Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển* (UNCLOS) năm 1982, trước khi Công ước chính thức có hiệu lực vào tháng 12 – 1994.

Về quản lí hành chính, năm 1982, Chính phủ Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (trực thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay là đặc khu Hoàng Sa trực thuộc thành phố Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (trực thuộc tỉnh Đồng Nai, nay là đặc khu Trường Sa trực thuộc tỉnh Khánh Hoà). Năm 2007, Chính phủ quyết định thành lập thị trấn Trường Sa cùng hai xã đảo: Song Tử Tây và Sinh Tồn trực thuộc huyện đảo Trường Sa.

Chính phủ Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, như: tổ chức triển lãm các hiện vật lịch sử, nghiên cứu, khảo sát điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, xây bia chủ quyền, thiết lập các ngọn đèn biển và đưa dân ra sinh sống trên các đảo,...

Trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền biển đảo, Việt Nam luôn kiên quyết và kiên trì đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, lấy bảo vệ vững chắc chủ quyền, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững hoà bình, ổn định để đất nước phát triển làm mục tiêu cao nhất.

Tháng 3 – 1988, quân đội Trung Quốc huy động lực lượng lớn tấn công các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh. Ngay lúc đó, Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này, đồng thời gửi nhiều công hàm phản đối và đề nghị hai bên Việt Nam – Trung Quốc thương lượng để giải quyết vấn đề tranh chấp bằng biện pháp hoà bình.

Năm 2012, Quốc hội thông qua *Luật Biển Việt Nam*. Đây là cơ sở pháp lí để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo và phát triển kinh tế biển. Hiện nay, Việt Nam đang tích cực thúc đẩy việc thực hiện *Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông* (DOC).



Hình 5. Những người lính hải quân nắm tay nhau tại Khu tưởng niệm Gạc Ma (xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà)

Hãy trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông.

3 Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay có ý nghĩa lịch sử quan trọng:

– Bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ cuộc sống của nhân dân.

– Khẳng định ý chí độc lập, tự chủ và tinh thần đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế trong sáng của nhân dân Việt Nam.

– Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Để lại những bài học kinh nghiệm quý giá cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.

– Góp phần bảo vệ hoà bình, ổn định ở khu vực châu Á và trên thế giới.

Nêu ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

4 Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

– Không ngừng phát huy tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân

Tinh thần yêu nước của nhân dân Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, đất nước đang tiến hành đổi mới và hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hoá. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống để mỗi người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ nhận thức rõ vai trò của tinh thần và phát huy tinh thần đó trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

TƯ LIỆU. "Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng, dễ thấy. Nhưng cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. Bổn phận của chúng ta là làm cho những thứ của quý kín đáo ấy đều được đưa ra trưng bày. Nghĩa là phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến."

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 7,
NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 38 – 39)

– Củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân

Thực tiễn cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chứng minh: Một dân tộc nhỏ, nghèo nàn, lạc hậu như Việt Nam nhưng lại có thể chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh,... là nhờ sự đoàn kết một lòng của cả dân tộc. Các tổ chức mặt trận đã giữ vai trò to lớn trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Ngày nay, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phát huy vai trò trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc cũng như bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân.

– Kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là một trong những bài học lớn, xuyên suốt trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước, trong đó, sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định.

Trong bối cảnh hiện nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại góp phần tăng cường sức mạnh tổng hợp để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, tạo ra thế và lực để đất nước ổn định và phát triển.

Các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc cũng cho thấy cần kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước vững mạnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng nâng cao,… là tạo điều kiện vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc. Ngược lại, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia sẽ tạo sức mạnh cần thiết cho công cuộc xây dựng đất nước.

– Phát triển sáng tạo nghệ thuật chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân

Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp tục xây dựng và phát triển sáng tạo nghệ thuật quân sự Việt Nam. Đó là nghệ thuật toàn dân đánh giặc, nghệ thuật tiến công chủ động, kiên quyết, mưu trí, sáng tạo,...

Trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ hiện nay, nghệ thuật quân sự Việt Nam cần tiếp tục phát triển ở trình độ khoa học cao, đồng thời xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và có chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Nêu những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoàn thành bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) những nét chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc	Diễn biến chính	Ý nghĩa
Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam	?	?
Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới phía Bắc	?	
Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông	?	

2. Lập sơ đồ tư duy về những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Theo em, bài học nào là quan trọng nhất? Vì sao?

sach-giao-khoa.com

1. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu ngắn gọn về một cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975.

2. Vận dụng kiến thức đã học, hãy phân tích giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử từ các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

CHỦ ĐỀ 4

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

BÀI 10 KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.



Hình 1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12 – 1986) đã đánh dấu một bước ngoặt rất cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Từ đây, Việt Nam bước vào thời kì Đổi mới toàn diện đất nước. Công cuộc Đổi mới đất nước của Việt Nam đã trải qua những giai đoạn nào? Nội dung chính của mỗi giai đoạn là gì?

1 Giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986 – 1995)

Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam được tiến hành xuất phát từ yêu cầu sống còn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển đất nước, đảm bảo đời sống nhân dân, đồng thời cũng phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Đường lối đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), tiếp tục được bổ sung tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) của Đảng.

TƯ LIỆU 1. "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 49, NXB Chính trị quốc gia, 2006, tr. 968)

Bảng 1. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn 1986 – 1995

Trọng tâm là đổi mới về kinh tế	Đổi mới toàn diện và đồng bộ
– Kiên quyết xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước. – Phát triển kinh tế hàng hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa. – Xây dựng và tổ chức thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn gồm: Lương thực – Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu. – Đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế – xã hội, phấn đấu bắt đầu có tích luỹ nội bộ từ nền kinh tế, từng bước đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng.	– Đổi mới kinh tế gắn liền với đổi mới chính trị, văn hoá – xã hội, chú trọng nhân tố con người. Xác định khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. – Đổi mới chính trị phải được tiến hành tích cực và vững chắc. Tiến hành đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo hướng vừa phát huy quyền làm chủ của người dân, vừa phát huy quyền lực của cơ quan Nhà nước. – Chủ trương kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tham gia phân công lao động quốc tế; thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

Giai đoạn khởi đầu công cuộc Đổi mới (1986 – 1995) đã tạo cơ sở để đất nước bước vào giai đoạn tiếp theo của sự nghiệp đổi mới toàn diện hơn.

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, hãy nêu nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1986 – 1995.

2 Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 1996) đã xác định Việt Nam chuyển sang thời kì mới: *đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*.

TƯ LIỆU 2. "Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất – kĩ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lí, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 80)



Hình 2. Lễ khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam

Bảng 2. Nội dung cơ bản của đường lối đổi mới giai đoạn 1996 – 2006

Về kinh tế	Về chính trị, văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng	Về đối ngoại
– Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. – Tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. – Tiếp tục tăng cường đầu tư xây dựng nhiều công trình lớn về kết cấu hạ tầng, tăng cường tiềm lực về cơ sở – vật chất, công nghệ cho nền kinh tế. – Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.	– Đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. – Nhấn mạnh phát triển giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ là quốc sách hàng đầu. – Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội. – Mở rộng giải quyết các vấn đề xã hội như tạo thêm việc làm, xoá đói, giảm nghèo… – Xây dựng và tăng cường an ninh – quốc phòng.	Đặt trọng tâm chủ trương "hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực" nhằm mục tiêu phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước.

Công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006 đã tạo nền tảng cho Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn tiếp theo.

Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, hãy nêu nội dung chính của công cuộc Đổi mới giai đoạn 1996 – 2006.

3 Giai đoạn tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng (2006 – nay)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (2006) đã chủ trương: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Từ năm 2006 đến nay, Việt Nam thực hiện đẩy mạnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Bảng 3. Nội dung cơ bản đường lối đổi mới giai đoạn từ năm 2006 đến nay

Về kinh tế	Về chính trị, văn hoá – xã hội, an ninh – quốc phòng	Về đối ngoại
– Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. – Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. – Phấn đấu đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có nền công nghiệp theo hướng hiện đại.	– Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. – Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. – Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hoá thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. – Xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định.	– Chuyển từ "hội nhập kinh tế quốc tế" sang "chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng", mở rộng phạm vi, lĩnh vực và tính chất của hội nhập. – Thực hiện chiến lược hội nhập quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh – quốc phòng, văn hoá – xã hội, trong đó hội nhập kinh tế là trọng tâm.

Hãy nêu nội dung chính của công cuộc Đổi mới trong giai đoạn từ năm 2006 đến nay.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng hệ thống tóm tắt (theo gợi ý dưới đây vào vở) về nội dung chính của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Giai đoạn	1986 – 1995	1996 – 2006	2006 – nay
Nội dung chính	?	?	?

Viết một bài giới thiệu ngắn về nội dung công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay và nêu cảm nghĩ của em.

BÀI 11 THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.
- Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.



Hình 1. Một góc Thủ đô Hà Nội ngày nay

Hình ảnh trên là một biểu hiện về thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Hãy chia sẻ những thành tựu khác của công cuộc Đổi mới về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá,... mà em biết. Theo em, từ thực tiễn công cuộc Đổi mới có thể rút ra được những bài học gì?

1 Thành tựu cơ bản trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam

a) Kinh tế

Công cuộc Đổi mới toàn diện đất nước (từ năm 1986 đến nay) đã đưa Việt Nam ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế – xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như hội nhập quốc tế mạnh mẽ, sâu rộng.

EM CÓ BIẾT ?

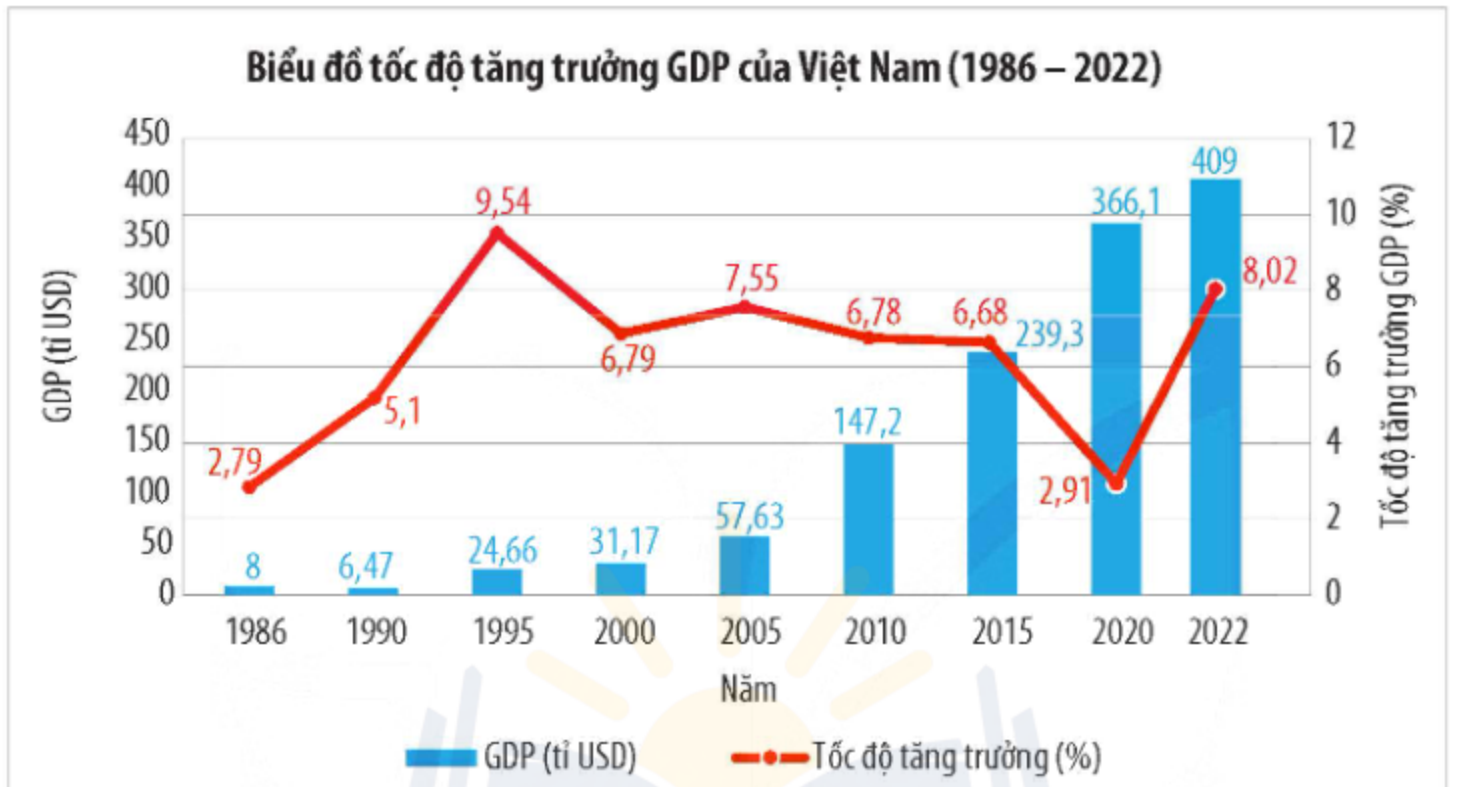
Ngày 1 – 4 – 1989, chế độ tem phiếu hoàn toàn được bãi bỏ ở Việt Nam. Đây là mốc kết thúc việc phát hành tem phiếu dùng để mua các mặt hàng thiết yếu của đời sống do Nhà nước phân phối. Tem phiếu đã trở thành một kí ức khó quên về thời kì bao cấp đối với nhiều thế hệ người dân Việt Nam.

Kinh tế Việt Nam có sự chuyển đổi từ mô hình quản lí kinh tế theo cơ chế tập trung, bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Tốc độ tăng trưởng:

Trong thời kì Đổi mới, *tốc độ tăng trưởng* của Việt Nam khá cao và tương đối bền vững.

TƯ LIỆU 1.



(Nguồn: *Niên giám thống kê*)

Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 6%/năm (năm 2020, 2021 do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, mức tăng GDP lần lượt chỉ đạt 2,91% và 2,59%, nhưng vẫn là mức tăng trưởng dương và Việt Nam vẫn thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới). Năm 2022, GDP của Việt Nam đạt 409 tỉ USD. Quy mô nền kinh tế được mở rộng đáng kể.

Cơ cấu kinh tế theo ngành và theo thành phần:

Cơ cấu kinh tế theo ngành chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Các ngành công nghiệp, dịch vụ chiếm tỉ lệ ngày càng cao trong cơ cấu GDP (phân theo khu vực kinh tế).

Tỉ trọng ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu GDP năm 1986 lần lượt là 28,88% và 33,06%; đến năm 2022 đã tăng lên 38,26% và 41,33%. Tỉ trọng ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản từ 38,06% năm 1986 giảm xuống còn 11,88% năm 2022.

Cơ cấu kinh tế theo thành phần có sự thay đổi theo hướng đa dạng hoá. Các thành phần kinh tế đóng vai trò tích cực vào phát triển đất nước.

Cơ sở hạ tầng: Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện và xây dựng hiện đại.



Hình 2. Nút giao thuộc Hà Nội của tuyến cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, tuyến cao tốc đầu tiên của Việt Nam xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế



Hình 3. Công trình đường dây điện 500 kV, một đoạn qua tỉnh Khánh Hoà

EM CÓ BIẾT ?

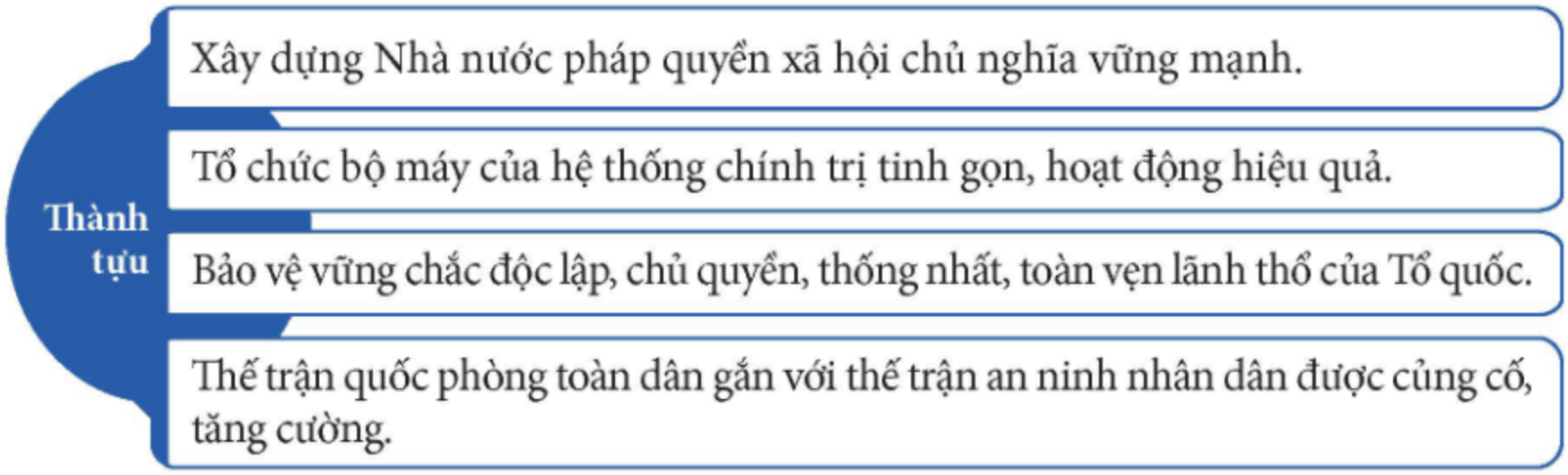
Công trình dường dây 500 kV Bắc – Nam (mạch 1) được thiết kế và xây dựng chỉ trong hai năm (1992 – 1993) từ khi khởi công đến khi đóng điện thành công. Công trình có tổng chiều dài 1 487 km, đánh dấu hệ thống điện Việt Nam có trục xương sống 500 kV chạy suốt từ Bắc vào Nam lần đầu tiên trong lịch sử.

Hội nhập kinh tế quốc tế: Kinh tế đối ngoại phát triển đã đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Thị trường xuất, nhập khẩu mở rộng, nguồn vốn đầu tư của nước ngoài tăng nhanh chóng.

Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, hãy nêu những thành tựu cơ bản của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay) trên lĩnh vực kinh tế.

b) Chính trị, an ninh – quốc phòng

Cùng với đổi mới về kinh tế, các lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng cũng đạt được nhiều thành tựu nổi bật.



Hình 4. Sơ đồ tóm tắt những thành tựu chính về chính trị, an ninh – quốc phòng

Những thành tựu trên lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hoà bình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kì Đổi mới của Việt Nam.

Hãy trình bày thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới trên lĩnh vực chính trị, an ninh – quốc phòng.

c) Văn hoá – xã hội

EM CÓ BIẾT ?

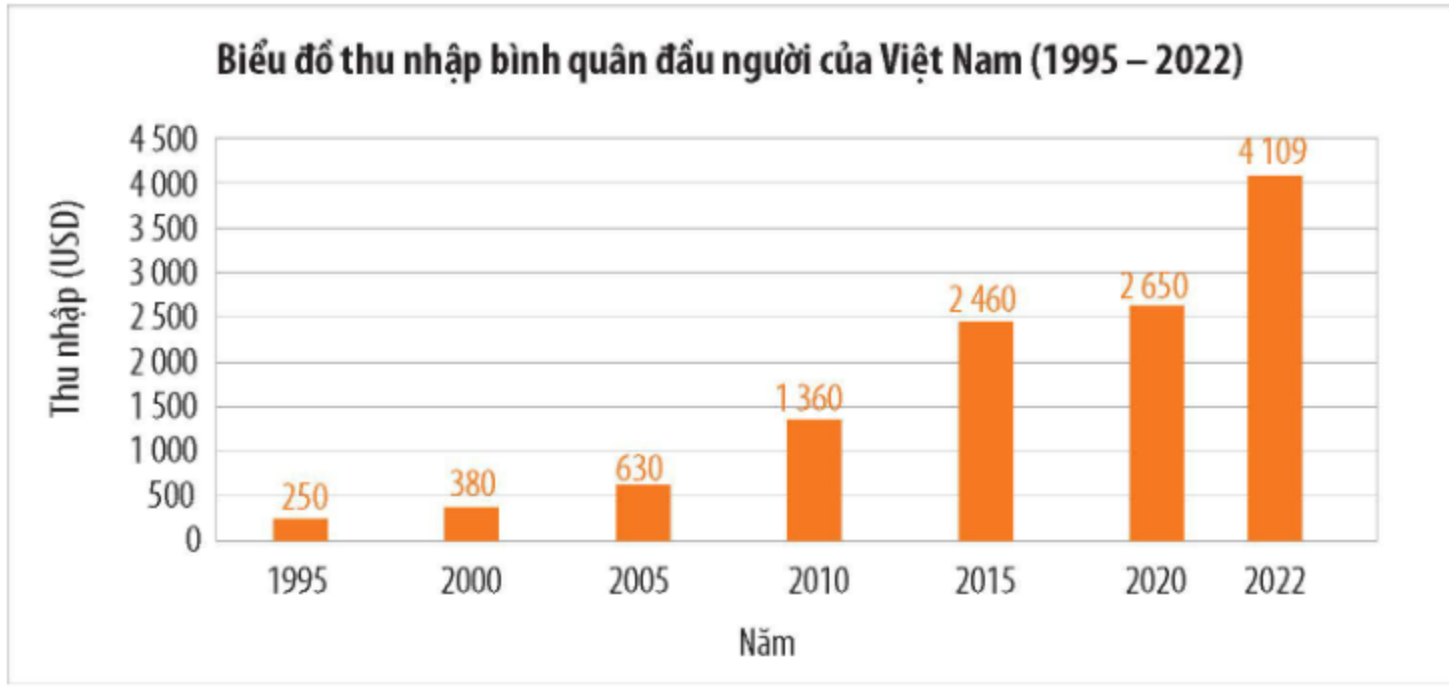
Đến 2015, Việt Nam đã hoàn tất việc thực hiện các *Mục tiêu Thiên niên kỉ* (MDGs) của Liên hợp quốc như: xoá đói, giảm nghèo, đạt phổ cập giáo dục tiểu học, thúc đẩy bình đẳng giới và đạt nhiều tiến bộ trong chỉ tiêu về y tế.

Công cuộc xoá đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công, đất nước đã bước ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.



Hình 5. Một khu vực nông thôn được xây dựng theo tiêu chí Nông thôn mới ở tỉnh Hưng Yên

TƯ LIỆU 2.



(Nguồn: *Thông tấn xã Việt Nam*)

Tỉ lệ hộ có thu nhập trung bình và thu nhập cao ngày càng tăng, tỉ lệ hộ nghèo giảm. Y tế đạt được nhiều tiến bộ khi mức sống ngày càng cải thiện.

Khả năng người dân tiếp cận hạ tầng cơ sở, hạ tầng thông tin – truyền thông được cải thiện đáng kể. Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng lên qua các năm.

Tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm, tuổi thọ trung bình tăng. Chỉ số chăm sóc sức khoẻ toàn dân cao hơn mức trung bình trong khu vực và trên thế giới.

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, có sự đa dạng hoá về loại hình trường lớp ở các bậc học. Khoa học – công nghệ và văn hoá có nhiều chuyển biến tích cực.

Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tiếp thu, làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến và hiện đại.

Văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát huy. Các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được xác định và đánh giá theo chuẩn quốc tế.

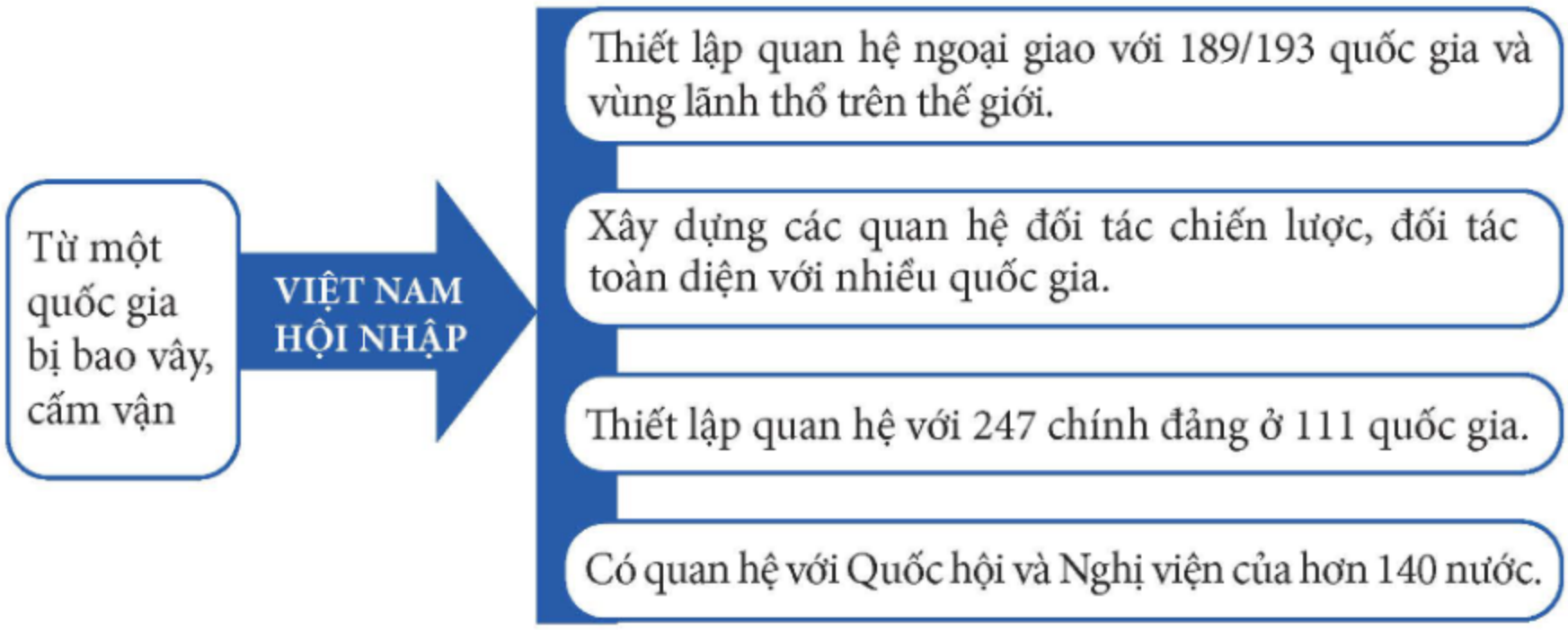
Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, hãy trình bày thành tựu cơ bản của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới trên lĩnh vực văn hoá – xã hội.

d) Hội nhập quốc tế

Quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong thời kì Đổi mới đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Hội nhập về chính trị:

Việt Nam đã tăng cường mối quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và bạn bè truyền thống. Việt Nam tích cực xây dựng, định hình các thể chế đối ngoại đa phương, sẵn sàng đóng góp có trách nhiệm vào công việc của thế giới.



Hình 6. Sơ đồ tóm tắt một số thành tựu hội nhập chính trị quốc tế của Việt Nam thời kì Đổi mới (tính đến năm 2021)

Hội nhập kinh tế:

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam diễn ra sâu rộng, trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là mở rộng đầu tư nước ngoài và tăng trưởng xuất khẩu.

Hội nhập về an ninh – quốc phòng:

Về quan hệ song phương, đối ngoại quốc phòng của Việt Nam được triển khai theo hướng chủ động mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới, triển khai các hoạt động hợp tác quốc phòng với các nước.

EM CÓ BIẾT ?

Tính đến 2022, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng với hơn 100 quốc gia, cử 33 Cơ quan Tuỳ viên Quốc phòng thường trú tại các nước và Liên hợp quốc. Mặt khác, 52 quốc gia đã đặt Cơ quan Tuỳ viên Quốc phòng, Tuỳ viên Quân sự tại Việt Nam.

Trên bình diện đa phương, Việt Nam chủ động tham gia và đề xuất sáng kiến tại các diễn đàn hợp tác quốc phòng đa phương trong khu vực và trên thế giới. Trong lĩnh vực gìn giữ hoà bình và hợp tác khắc phục hậu quả chiến tranh, Việt Nam cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Hội nhập về văn hoá và các lĩnh vực khác:

Về văn hoá, Việt Nam triển khai hợp tác, giao lưu văn hoá, thông tin đối ngoại với nhiều quốc gia và khu vực.

Về giáo dục, khoa học – công nghệ, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục với các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, đồng thời là thành viên tích cực của các



Hình 7. Biểu diễn Dân ca Quan họ của các nghệ sĩ Việt Nam tại Cộng hoà Séc (2019)

tổ chức giáo dục quốc tế. Hợp tác trong lĩnh vực khoa học – công nghệ diễn ra ngày càng mạnh mẽ.

Hiện nay, Việt Nam là thành viên của gần 100 tổ chức quốc tế về khoa học – công nghệ; có quan hệ hợp tác về khoa học – công nghệ với hơn 90 quốc gia, vùng lãnh thổ; hơn 80 điều ước, thoả thuận quốc tế về hợp tác khoa học – công nghệ cấp Chính phủ, cấp bộ đã được kí kết và thực hiện.

Trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực bảo vệ môi trường,... Việt Nam tăng cường hợp tác với các nước và đạt được nhiều thành tựu.

Với việc mở rộng hợp tác quốc tế, tăng cường chuyển giao kĩ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, Việt Nam đã thực hiện được các kĩ thuật cao trong y tế chuyên sâu, đạt trình độ cao tương đương với các nước có nền y học hiện đại trong khu vực và trên thế giới.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Việt Nam mở rộng hợp tác thông qua nhiều đối tác song phương cũng như các tổ chức quốc tế đa phương. Các nội dung hợp tác đi vào chiều sâu bao gồm hầu hết các lĩnh vực quản lí môi trường như: đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, xử lí ô nhiễm hoá chất tồn lưu, bảo tồn đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu,...

Hãy nêu thành tựu của Việt Nam trong công cuộc Đổi mới trên lĩnh vực hội nhập quốc tế.

2 Bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới

Từ thực tiễn của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay), có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Thứ nhất: Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là mục tiêu xuyên suốt và chủ đạo của cách mạng Việt Nam. Mục tiêu này gắn liền với mọi thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc và mãi là sợi chỉ đỏ dẫn đường cho sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước hiện nay.

Thứ hai: Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Luôn tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát và coi trọng tổng kết thực tiễn; tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Thứ ba: Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Thứ tư: Kết hợp sức mạnh nội lực và sức mạnh ngoại lực, sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là nguyên nhân quan trọng giúp Việt Nam đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc Đổi mới. Những thành tựu đó đã trở thành sức mạnh của dân tộc hiện nay. Do đó, cần tiếp tục kết hợp với các yếu tố thuận lợi của thời đại như xu thế toàn cầu hoá, cuộc cách mạng khoa học – công nghệ,... để phát triển đất nước.

Nêu những bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập và hoàn thành nội dung bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở).

Lĩnh vực	Thành tựu nổi bật
Kinh tế	?
Chính trị An ninh – quốc phòng	?
Văn hoá – xã hội	?
Hội nhập quốc tế	?

sach-giao-khoa.com

2. Lựa chọn một bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay) mà em tâm đắc nhất và giải thích vì sao.

1. Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh từ sách, báo và internet về một thành tựu nổi bật của thời kì Đổi mới ở Việt Nam và xây dựng infographic giới thiệu về thành tựu đó.

2. Tìm hiểu và giới thiệu một số thành tựu nổi bật về kinh tế – xã hội ở địa phương em sinh sống (tỉnh, thành phố) trong công cuộc Đổi mới (từ năm 1986 đến nay).

CHỦ ĐỀ

5

LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

BÀI 12 HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).



Hình 1. Một số du học sinh Việt Nam trong phong trào Đông du đầu thế kỉ XX

Hình trên là một số du học sinh tham gia phong trào Đông du – một phong trào yêu nước tiêu biểu vào đầu thế kỉ XX với mục đích đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật Bản học tập, chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ giành lại độc lập cho nước nhà. Đây là một trong những hoạt động đối ngoại tiêu biểu của các nhân sĩ yêu nước từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. Những hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn này đã diễn ra như thế nào? Hãy chia sẻ hiểu biết của em.

1 Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu diễn ra chủ yếu ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ về khí giới, đào tạo nhân lực cho công cuộc cứu nước,... Ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế như: *Điền – Quế – Việt liên minh* (liên minh giữa Vân Nam, Quảng Tây với Việt Nam) và *Đông Á đồng minh* (gồm một số người Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ,...) để hợp sức chống đế quốc.



Hình 2. Phan Bội Châu (1867 – 1940)



Hình 3. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc. Đầu năm 1912, Phan Bội Châu thành lập *Việt Nam Quang phục hội* và tham gia thành lập *Chấn Hoa Hưng Á*, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Tại đây, Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,... để tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam.

Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh diễn ra chủ yếu ở Pháp với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.

Năm 1911, Phan Châu Trinh sang Pháp, tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiến bộ, nhiều lần gửi kiến nghị đến các thành viên của Chính phủ Pháp,... phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam. Phan Châu Trinh đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp.

Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX.

2 Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương

a) Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1930)

Trong những năm 1911 – 1922, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp.

Nguyễn Ái Quốc gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu. Năm 1920, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. Năm 1921, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* – một hình thức liên minh của các dân tộc bị áp bức. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

Trong những năm 1923 – 1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc.

Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), liên lạc với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc, mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết và tập hợp lực lượng quốc tế.

EM CÓ BIẾT ?

Tháng 7 – 1925, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức*, một đoàn thể có tính chất quốc tế bao gồm người Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, Triều Tiên, In-đô-nê-xi-a, Miến Điện,... Tuyên ngôn của Hội khẳng định con đường duy nhất để xoá bỏ sự áp bức chỉ có thể là liên hiệp các dân tộc nhỏ yếu bị áp bức và giai cấp vô sản toàn thế giới, áp dụng những phương pháp cách mạng để lật đổ đế quốc thực dân.

Nêu tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.

b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945)

Trong những năm 1930 – 1945, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ yếu phục vụ cho cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít, góp phần bảo vệ hoà bình, tiến tới giành độc lập, tự do.

Là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tổ chức nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô; phối hợp với các tổ chức của người Pháp, người Hoa ở Đông Dương tiến hành quyên góp giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc.

TƯ LIỆU. "Chúng ta có bổn phận ủng hộ Liên Xô kháng chiến! Hãy đoàn kết để tranh đấu kỉ niệm Cách mệnh tháng Mười đã đẻ ra Liên Xô. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống phát xít Pháp – Nhật, chống chính sách lừa bịp và ăn cướp của chúng. Tranh đấu ủng hộ Liên Xô tức là tranh đấu chống sinh hoạt đắt đỏ, đòi công ăn việc làm".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, 2000, tr. 261)

Đảng Cộng sản Đông Dương cũng tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.

Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...

Thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.

Đại diện của Mặt trận Việt Minh tiếp xúc với đại diện của Trung Hoa Dân quốc, bàn về kế hoạch phối hợp chống quân phiệt Nhật Bản, cử đại biểu tham gia Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội – một tổ chức của người Việt Nam hoạt động ở phía nam Trung Quốc.

Đối với phái bộ Mỹ ở phía nam Trung Quốc, đại diện của Mặt trận Việt Minh chủ động bắt liên lạc để thiết lập quan hệ và hợp tác chống quân phiệt Nhật Bản. Cuối tháng 4 – 1945, sự hợp tác giữa Việt Minh và Cơ quan Tình báo chiến lược Mỹ (OSS) tại châu Á được xác lập.



Hình 4. Lãnh tụ Hồ Chí Minh và đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng "Biệt đội con Nai" của OSS tại Tân Trào (Tuyên Quang, 1945)

Khai thác thông tin và tư liệu trong mục, hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1945.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Hãy hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cá nhân/tổ chức	Hoạt động chủ yếu
Phan Bội Châu	?
Phan Châu Trinh	?
Nguyễn Ái Quốc	?
Đảng Cộng sản Đông Dương	?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu mà Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện từ năm 1911 đến năm 1945 và ý nghĩa của những hoạt động đó.

BÀI 13 HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 – 1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).
- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25 – 11 – 1945) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có đoạn: "Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc "bình đẳng và tương trợ" (…) thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 27).

Trên tinh thần đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tiến hành các hoạt động đối ngoại quan trọng, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) đến thắng lợi cuối cùng. Hãy chia sẻ điều em biết về những hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1945 đến năm 1975.

1 Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vừa mới ra đời đã phải đối diện với rất nhiều thách thức, khó khăn. Trong bối cảnh đó, các hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nhằm mục đích bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và tránh đối đầu cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

Chính phủ Việt Nam đã gửi thư, công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Với Trung Hoa Dân quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chủ động vừa đấu tranh chính trị, vừa vận động ngoại giao; thực hiện các hoạt động hữu nghị, thân thiện với nhân dân Trung Quốc và hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc ở Việt Nam để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng.

Với Pháp, Việt Nam kí *Hiệp định Sơ bộ* (6 – 3 – 1946) đồng ý để quân đội Pháp thay quân đội Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật Bản ở miền Bắc. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục kí với đại diện Chính phủ Pháp bản *Tạm ước Việt – Pháp* (14 – 9 – 1946) để kéo dài thời gian hoà bình, chuẩn bị kháng chiến.

Sau khi cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ (12 – 1946), Việt Nam luôn thể hiện thiện chí hoà bình, đề nghị Chính phủ Pháp tiếp tục mở các cuộc thương lượng, kêu gọi nhân dân Pháp chống chiến tranh.



Hình 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Bi-đôn (Pháp) năm 1946

Việt Nam mở các cơ quan đại diện ngoại giao tại một số nước châu Á và lập các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.

Từ năm 1950, tình hình thế giới và Việt Nam có những thay đổi nhanh chóng. Trong điều kiện đó, hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được đẩy mạnh trên nhiều hướng, nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và kết thúc chiến tranh bằng giải pháp ngoại giao khi có điều kiện.

Năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đây là một thắng lợi chính trị to lớn, tạo tiền đề cho những thắng lợi quân sự sau này.

Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện Đảng Cộng sản Pháp và nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Uỷ ban Bảo vệ hoà bình thế giới.



Hình 2. Phiên khai mạc Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954)

Tháng 5 – 1954, Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ (Thuỵ Sĩ). Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương. Ngày 21 – 7 – 1954, Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết. Đây là văn bản pháp lí quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và cho biết ý nghĩa của những hoạt động đó.

sach-giao-khoa.com

2 Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)

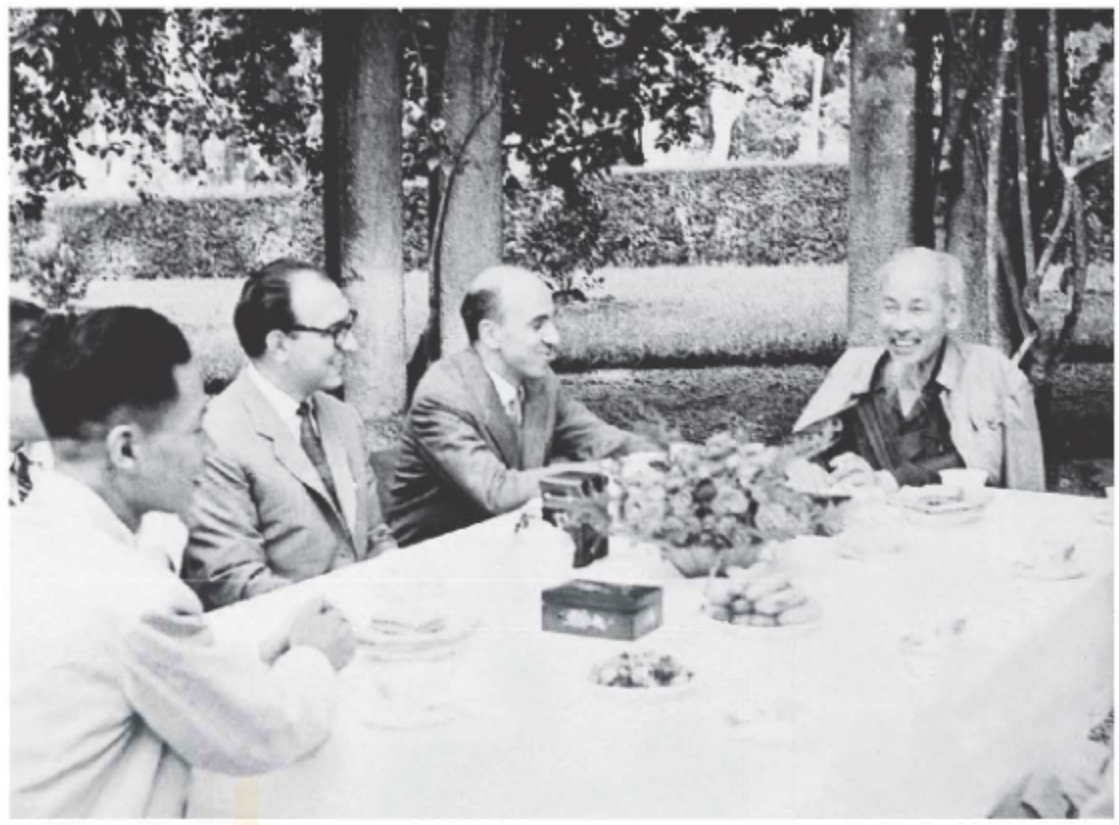
Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết, hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, củng cố quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Nam.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phối hợp với Uỷ ban Giám sát quốc tế về Hiệp định Giơ-ne-vơ yêu cầu chính quyền Sài Gòn mở hội nghị hiệp thương về việc tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước theo những điều khoản của Hiệp định.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khéo léo cân bằng quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc; vận động các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, ủng hộ cuộc kháng chiến ở miền Nam.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Lào, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với Cam-pu-chia; ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh,... phát triển mối quan hệ liên minh chiến đấu với các lực lượng yêu nước, kháng chiến của Lào, Cam-pu-chia.

Cùng với những thắng lợi quân sự, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chủ động kết hợp "vừa đánh, vừa đàm", cung cấp tư liệu về cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh; đồng thời, tích cực vận động quốc tế công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.



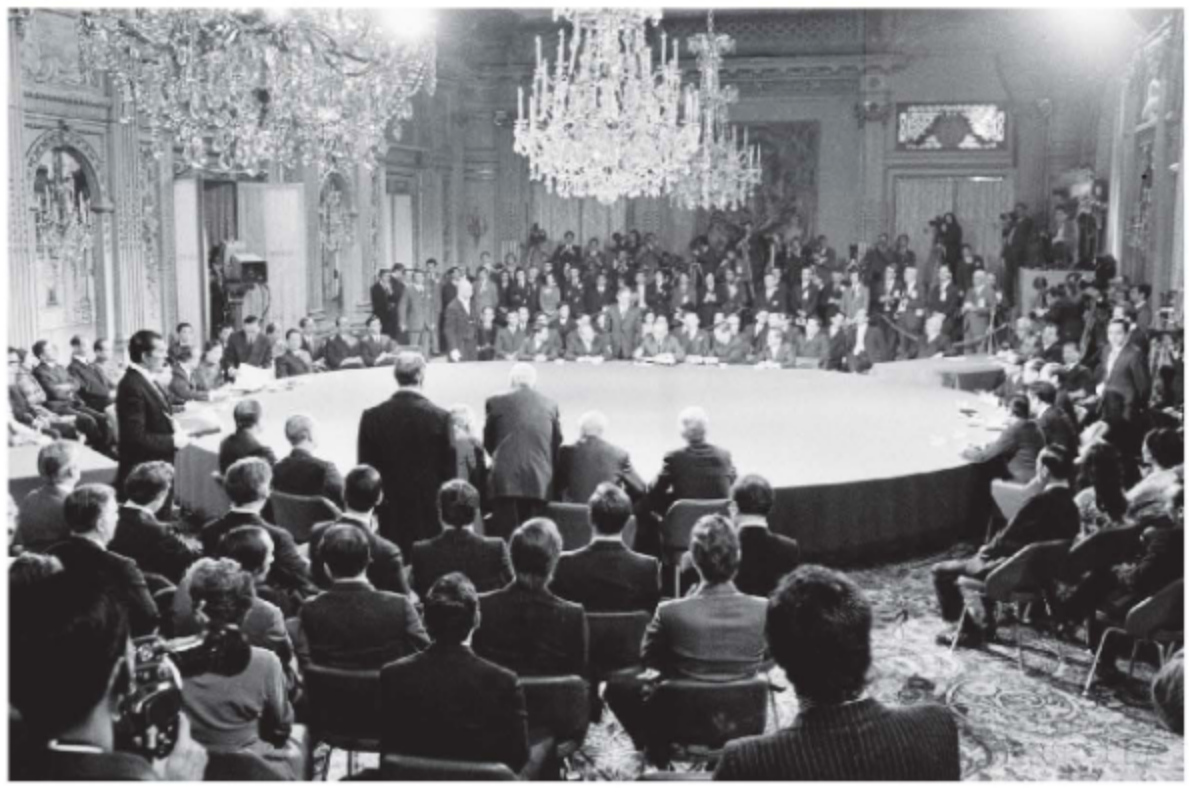
Hình 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn nhà báo của Đảng Cộng sản I-ta-li-a (5 – 1959)

Trên bàn đàm phán tại Hội nghị Pa-ri, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lần lượt đưa ra các phương án yêu cầu Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết với điều khoản quan trọng: Mỹ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

sách-giáo-khoa.com

EM CÓ BIẾT ?

Trong Hội nghị Pa-ri, phía Mỹ dời dùng chiếc bàn hình chữ nhật hoặc hình tròn chia đôi thể hiện cuộc đàm phán chỉ có hai bên: một bên là Mỹ và Việt Nam Cộng hoà, một bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam. Việt Nam Dân chủ Cộng hoà yêu cầu chiếc bàn hình vuông hoặc tròn có phân chia rõ bốn bên, thể hiện bốn bên tham gia đàm phán. Cuối cùng, hai bên đi đến quyết định chọn chiếc bàn tròn lớn.



Hình 4. Quang cảnh lễ kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975).

Giai đoạn	Một số hoạt động đối ngoại chủ yếu
Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)	?
Kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)	?

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về những bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975). Theo em, bài học nào có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?

BÀI 14 HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.
- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay.
- Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.



Hình 1. Kì họp lần thứ 32 Đại hội đồng Liên hợp quốc (9 – 1977) thông qua Nghị quyết công nhận Việt Nam là thành viên của tổ chức này

Ngày 20 – 9 – 1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc. Sự kiện này là một hoạt động đối ngoại quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.

1 Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi, Việt Nam tích cực thiết lập, mở rộng quan hệ và hợp tác với nhiều nước trên thế giới.

Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa:

Việt Nam phối hợp với các nước xã hội chủ nghĩa trên diễn đàn quốc tế và đẩy mạnh hợp tác toàn diện, nhất là lĩnh vực kinh tế.

Việt Nam luôn coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Nhiều hiệp ước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học – kĩ thuật đã được kí kết. Năm 1978, Việt Nam gia nhập *Hội đồng tương trợ kinh tế* (SEV).

Đối với Trung Quốc, Việt Nam tiến hành đàm phán để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia.



Hình 2. V. Go-rơ-bát-cô (Liên Xô) và Phạm Tuân (Việt Nam) cùng bay vào vũ trụ (1980)

Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á:

Việt Nam phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia; sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước khác ở Đông Nam Á.

Sau năm 1975, lập trường của Việt Nam là không ngừng củng cố quan hệ giữa ba nước Đông Dương. Từ năm 1980, Việt Nam chủ trương thúc đẩy đối thoại, từng bước thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước thành viên ASEAN.

Thiết lập quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước khác:

Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế và nhiều nước trên thế giới và trong khu vực.

Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, thành lập cơ quan đại diện ngoại giao ở nhiều nước, gia nhập các tổ chức quốc tế,...

EM CÓ BIẾT ?

Trong những năm 1977 – 1986, hệ thống phát triển Liên hợp quốc đã viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam khoảng 527,9 triệu USD.

Việt Nam tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của *Phong trào Không liên kết* trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.

sách-giáo-khoa.com



Hình 3. Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát biểu tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 Phong trào Không liên kết tại La Ha-ba-na (Cu-ba) năm 1979

Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.

2 Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

Trong những năm tiến hành công cuộc Đổi mới, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

TƯ LIỆU. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991), Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra định hướng chung cho hoạt động đối ngoại là: "Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, NXB Chính trị quốc gia, 2007, tr. 118)

Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng:

Để thoát ra khỏi tình trạng bị bao vây, cô lập, tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội, hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề Cam-pu-chia.

Sau khi Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia được kí kết (10 – 1991), Việt Nam đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (1991), với Mỹ (1995), gia nhập ASEAN (1995),...



Hình 4. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam – Mỹ kí *Nghị định thư* chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (5 – 8 – 1995)

Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác:

Quan hệ giữa Việt Nam với phần lớn các nước trên thế giới đã từng bước được cải thiện và mở rộng từ giữa những năm 80 của thế kỉ XX, sau khi Việt Nam bắt đầu thực hiện công cuộc Đổi mới.

Việt Nam không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với Lào, Cam-pu-chia và Cu-ba. Với các nước như Trung Quốc, Mỹ, Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác và nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.



Hình 5. Chuyến thăm của Tổng thống Mỹ đến Việt Nam đánh dấu quan hệ hợp tác giữa hai nước lên tầm đối tác chiến lược toàn diện (2023)

Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản ngày càng chặt chẽ, được nâng lên quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện. Việt Nam cũng tích cực mở rộng và phát triển quan hệ với nhiều nước khác trên thế giới.

Tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới:

Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế (ASEAN, WTO,...),...

Việt Nam kí hiệp định tham gia *Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN* (AFTA), kí kết *Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU* (EVFTA), *Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực* (RCEP),... và nhiều hiệp định quan trọng khác.

Việt Nam tích cực triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với các đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng và đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực, ưu tiên là kinh tế, quốc phòng – an ninh.

EM CÓ BIẾT ?

Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế quan trọng thuộc ASEAN, ASEM và APEC.

EM CÓ BIẾT ?

Việt Nam hai lần được bầu với số phiếu cao vào vị trí Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 – 2009 và 2020 – 2021.

Triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc:

Để đảm bảo hoà bình, ổn định, bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc, Việt Nam tham gia đàm phán và kí kết các thoả thuận, các hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển.

Đối với Trung Quốc, Việt Nam kí kết các hiệp ước về biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ, giải quyết những tranh chấp thông qua biện pháp hoà bình.

Với Lào và Cam-pu-chia, Việt Nam đã đạt được nhiều thoả thuận trong phát triển đường biên giới hoà bình, hữu nghị.



Hình 6. Lễ chào cột mốc và chứng kiến tuần tra chung ba nước Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia (2018)

Việt Nam đã đàm phán về ranh giới trên biển với Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan, giải quyết các bất đồng bằng con đường đàm phán, thương lượng.

Tích cực hợp tác bảo vệ môi trường, giao lưu văn hoá và hỗ trợ nhân đạo:

Nhằm hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới, nâng cao vị thế đất nước, Việt Nam cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết với các nước trong khu vực và thế giới thông qua giao lưu văn hoá.



Hình 7. Lễ hội pháo hoa quốc tế Đà Nẵng – sự kiện thường niên được tổ chức với sự tham gia của nhiều quốc gia (2019)

Việt Nam tham gia đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu, kí kết *Nghị định thư Ki-ô-tô*, cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính.

Việt Nam tích cực thúc đẩy giao lưu văn hoá với các quốc gia khác thông qua các lễ hội văn hoá, chương trình ngoại giao văn hoá và trao đổi giáo dục.

Việt Nam tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai cho các quốc gia trong và ngoài khu vực như: Cam-pu-chia, Cu-ba, Nê-pan, In-đô-nê-xi-a, I-rắc, Xi-ri, Thổ Nhĩ Kỳ,… Việt Nam tích cực giúp đỡ thiết bị, vật tư y tế cho một số quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19,...

Hãy nêu các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Lập bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.

Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Những nét chính
Với các nước xã hội chủ nghĩa	?
Với các nước Đông Nam Á	?
Với các tổ chức quốc tế và các nước khác	?

2. Tìm những dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ nhận định: Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.

1. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một hoạt động đối ngoại của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.

2. Chia sẻ một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế.

sách-giáo-khoa.com

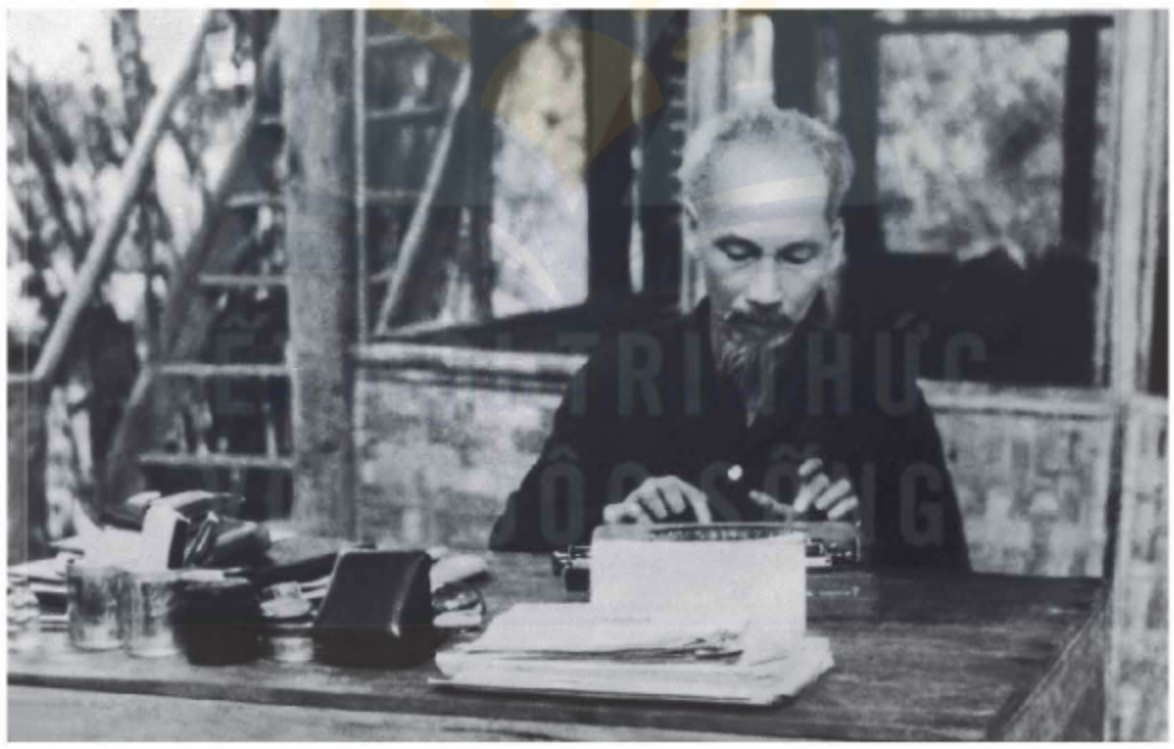
CHỦ ĐỀ 6

HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

BÀI 15 KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

Học xong bài này, em sẽ:

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
- Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.



Hình 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969)

Năm 2020, trong bài diễn văn tại Lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu: "Cuộc đời 79 mùa Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại."

Theo em, những yếu tố nào đã góp phần tạo nên "đạo đức, trí tuệ, nhân cách" và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hãy chia sẻ những điều em biết về tiến trình hoạt động cách mạng của Người.

1 Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh

• *Hoàn cảnh đất nước*

Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...

Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.

TƯ LIỆU 1. "Xứ Đông Dương bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập! Người ta đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản để bảo vệ những cái gì mà chính họ không hề biết. Người ta đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện. Người ta kìm họ trong ngu dốt...".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 46)

Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại. Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

• *Hoàn cảnh quê hương*

Chủ tịch Hồ Chí Minh quê ở xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An. Xã Kim Liên từng là một phần của huyện Nam Đàn (cũ) – vùng đất "sơn thuỷ hữu tình", có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước. Vùng đất này đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá và nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử. Vươn lên trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và thực tiễn dựng nước, giữ nước đã hun đúc nên những phẩm chất của người xứ Nghệ như: cần cù trong lao động, ý chí trong học tập và đoàn kết trong đấu tranh.

EM CÓ BIẾT?

Vùng đất Nam Đàn là nơi lưu nhiều dấu tích lịch sử liên quan đến Mai Thúc Loan dựng cờ khởi nghĩa (đầu thế kỉ VIII), Lê Lợi xây thành Lục Niên (thế kỉ XV); Nguyễn Huệ dừng chân chiêu mộ binh sĩ (cuối thế kỉ XVIII); Vương Thúc Mậu khởi nghĩa hưởng ứng Dụ Cần vương (cuối thế kỉ XIX),...

TƯ LIỆU 2. "Nghệ An núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, gọi là đất có danh tiếng hơn cả Nam Châu. Người thì thuần hoà mà chăm học, sản vật thì nhiều thức quý của lạ... được khí tốt của sông núi nên sinh ra nhiều bậc danh hiền... thực là nơi hiểm yếu như thành đồng, ao nóng của nước và là then khoá của các triều đại".

(Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập 1, NXB Khoa học xã hội, 1992, Tập 1, tr. 63)

Thời cận đại, Nghệ An có trung tâm công nghiệp Vinh – Bến Thuỷ lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, do đó, sớm có điều kiện tiếp thu nhiều tư tưởng mới của thời đại.



Hình 2. Cảng Bến Thuỷ (tỉnh Nghệ An) những năm đầu thế kỉ XX

• *Hoàn cảnh gia đình*

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – một nhà nho mẫu mực, mẹ là Hoàng Thị Loan – một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.



Hình 3. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (1862 – 1929) – thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 4. Cụ Hoàng Thị Loan (1868 – 1901) – thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh



Hình 5. Nhà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An

Dù phải trải qua tuổi thơ vất vả nhưng sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

Khai thác thông tin và các tư liệu 1, 2 trong mục, hãy nêu một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2 Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

• *Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 – 1911)*

Chủ tịch Hồ Chí Minh (thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 – 5 – 1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (tỉnh Nghệ An). Trước lúc 5 tuổi, Nguyễn Sinh Cung sinh sống tại quê nhà. Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học những thầy giáo giỏi ở địa phương. Năm 1906, ông Nguyễn Sinh Sắc vào Huế làm quan, Nguyễn Tất Thành theo cha vào học tại Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế. Năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha đến Bình Định (nay thuộc tỉnh Gia Lai) và tiếp tục hoàn thành bậc Tiểu học tại Trường Pháp – Việt Quy Nhơn. Sớm có tinh thần yêu nước, năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế.

Cuối tháng 8 – 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng), dạy học tại Trường Dục Thanh. Tại đây, Nguyễn Tất Thành truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những trăn trở về vận mệnh của đất nước.



Hình 6. Di tích Trường Dục Thanh – nơi Nguyễn Tất Thành từng dạy học trước khi ra đi tìm đường cứu nước

EM CÓ BIẾT?

Năm 1906, hưởng ứng lời kêu gọi duy tân của Phan Châu Trinh, một số chí sĩ yêu nước ở Phan Thiết thành lập Công ty nước mắm Liên Thành. Một phần lợi nhuận của công ty này dùng để mở Trường Dục Thanh. Tên gọi Dục Thanh đã nói lên mục đích và ý nghĩa của trường, là nơi giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Tháng 2 – 1911, Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn, mang theo hoài bão ra nước ngoài, xem thế giới làm như thế nào rồi trở về giúp đồng bào. Sau một thời gian tìm hiểu, ngày 5 – 6 – 1911, Nguyễn Tất Thành (với tên gọi mới là Văn Ba) đã rời Bến Nhà Rồng trên con tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.

• *Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941)*

Bảng 1. Tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1941

Từ năm 1911 đến năm 1920
– Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. – Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, trong đó kí tên là Nguyễn Ái Quốc. – Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V. Lê-nin. – Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.
Từ năm 1921 đến năm 1930
– Từ năm 1921 đến tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp: tham gia thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa*, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Người cùng khổ*,... – Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc rời Pháp đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,… – Từ tháng 11 – 1924 đến giữa năm 1927, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên*, ra báo *Thanh niên* (1925),… – Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,... – Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Cửu Long (Hồng Công, Trung Quốc), soạn thảo *Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng.
Từ năm 1930 đến năm 1941
– Năm 1933, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Liên Xô. – Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô trở lại Trung Quốc và hoạt động cách mạng ở đây. – Ngày 28 – 1 – 1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

• *Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969)*

Bảng 2. Tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh từ năm 1941 đến năm 1969

Từ năm 1941 đến năm 1945
– Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941). – Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập *Việt Nam Độc lập đồng minh* (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. – Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế. Tháng 9 – 1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng. – Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
Từ năm 1945 đến năm 1969
– Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 –1954). – Tháng 1 – 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội khoá I bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. – Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Tháng 10 – 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9 – 1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. – Ngày 2 – 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội.

Hãy tóm tắt nét cơ bản về tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh (1911 – 1969).

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) thể hiện những nét chính về tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

BÀI 16 HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Học xong bài này, em sẽ:

- Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.
- Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
- Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (19 – 5 – 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.
- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám, lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1969).
- Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

Khoá họp lần thứ 24 của Đại hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) năm 1987 đã ban hành nghị quyết với nội dung: "Năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm kỉ niệm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc và Nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam". Nghị quyết là sự công nhận của cộng đồng quốc tế đối với những đóng góp to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo em, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những đóng góp như thế nào đối với lịch sử dân tộc cũng như nhân loại?

1 Hành trình tìm đường cứu nước

Hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành bắt đầu từ ngày 5 – 6 – 1911. Trong hành trình đó, Nguyễn Tất Thành đã đi qua nhiều châu lục, tự học tập và dần thấu hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và các cuộc cách mạng tư sản trên thế giới. Đó là cơ sở để Người đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin.

TƯ LIỆU 1. "...dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 287)



Hình 1. Lược đồ hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1920)

Trải qua gần 10 năm nghiên cứu, học tập, tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin đăng trên báo *Nhân đạo*. Luận cương đã giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường giành độc lập và tự do cho dân tộc Việt Nam là đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12 – 1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.



Hình 2. Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12 – 1920)

TƯ LIỆU 2. "Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lí luận Mác – Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 563)

Sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Sự kiện này bước đầu giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam, mở ra giai đoạn phát triển mới cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam – giai đoạn gắn phong trào cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

1. Giới thiệu hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trên lược đồ Hình 1 (tr. 95).

2. Vì sao Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản? Hãy nêu nội dung cơ bản của con đường cứu nước và ý nghĩa của sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước.

2 Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau khi tìm được con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

TƯ LIỆU 3. "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững thì cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy…

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin".

(Trích *Đường Kách mệnh* trong *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 289)

Về chính trị, tư tưởng: Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân đấu tranh.

Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập *Hội liên hiệp thuộc địa*, sau đó sáng lập tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo: *Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế,...*

Kế thừa những quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và xuất phát từ thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc:

– Giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản.

– Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc.

– Khẳng định vai trò của chính đảng vô sản trong thắng lợi của cách mạng.

Về tổ chức: Tháng 6 – 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm đào tạo những người yêu nước thành cán bộ truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đưa lí luận cách mạng giải phóng dân tộc vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân. Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách. Hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929. Đó là sự chuẩn bị trực tiếp cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khai thác thông tin và Tư liệu 3 trong mục, trình bày quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức của Nguyễn Ái Quốc cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Triệu tập, chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản chứng tỏ khuynh hướng vô sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc. Tuy nhiên, ba tổ chức đó lại hoạt động riêng rẽ, tranh giành quần chúng, phê phán lẫn nhau. Phong trào cách mạng Việt Nam đứng trước nguy cơ chia rẽ.



Hình 3. Nguyễn Ái Quốc đầu những năm 30 của thế kỉ XX

Trong giai đoạn này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan) nhưng luôn theo sát tình hình trong nước. Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập đại biểu các tổ chức cộng sản đến Cửu Long (Hồng Công, Trung Quốc) để tiến hành hợp nhất.

Hội nghị bắt đầu diễn ra từ ngày 6 – 1 – 1930. Trong hội nghị này, Nguyễn Ái Quốc nêu ra những điểm lớn cần thảo luận và thống nhất gồm: bỏ mọi xung đột cũ, thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương; định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; thảo luận *Chính cương* và *Điều lệ sơ lược* của Đảng; định kế hoạch việc thống nhất trong nước và cử một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Hội nghị tán thành ý kiến của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Trong đó, *Chính cương vắn tắt* và *Sách lược vắn tắt* đã phản ánh những vấn đề chiến lược và sách lược của Đảng. Hai văn kiện trên được xem là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo là bản cương lĩnh giải phóng dân tộc sáng tạo, kết hợp đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

Hãy nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Ý nghĩa của việc thành lập Đảng

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

TƯ LIỆU 4. "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng."

(*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 406)

Từ đây, cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, tổ chức chặt chẽ và đội ngũ cán bộ kiên trung. Cách mạng Việt Nam đã trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới.

Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

? Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập có ý nghĩa như thế nào?

3 Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

- *Triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941)*

Kết nối với văn học

Cuộc sống giản dị của Nguyễn Ái Quốc trong những ngày tháng hoạt động cách mạng ở Pác Bó được thể hiện qua những câu thơ:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang,
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng,
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sau một thời gian chuẩn bị, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tại Pác Bó (xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941.

Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị xác định cách mạng Việt Nam hiện tại là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) và giúp đỡ nhân dân Lào, Cam-pu-chia thành lập mặt trận riêng.

Về vấn đề chính quyền, Hội nghị chủ trương thành lập Chính phủ Dân chủ Cộng hoà.

Hội nghị nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định tiến trình cách mạng Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

sach-giao-khoa.com

Sau hội nghị, Nguyễn Ái Quốc viết thư gửi đến đồng bào cả nước, kêu gọi đoàn kết đánh đuổi Pháp – Nhật.

• *Chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945*

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh tích cực tham gia lãnh đạo công cuộc chuẩn bị lực lượng về mọi mặt cho Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Lực lượng chính trị

– Thành lập Mặt trận Việt Minh (5 – 1941).

– Khởi thảo *Chương trình cứu nước* của Việt Minh hướng tới hai mục tiêu: làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do.

TƯ LIỆU 5. Tôn chỉ mục đích thành lập của Mặt trận Việt Minh là: "liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo, xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn". Từ khi Mặt trận Việt Minh ra đời, "toàn bộ phong trào chống phát xít Pháp – Nhật của nhân dân ta mang tên là phong trào Việt Minh, cái tên tiêu biểu cho lòng yêu nước, ý chí quật cường của dân tộc ta".

(Theo Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám* (1945), NXB Sự thật, 1971, tr. 27)

Lực lượng vũ trang

– Thành lập Tiểu đội du kích thoát li đầu tiên ở Cao Bằng (11 – 1941), biên soạn các tài liệu huấn luyện quân sự.

– Chỉ thị thành lập *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* (22 – 12 – 1944).

Căn cứ địa cách mạng

– Chọn Cao Bằng để xây dựng thành một trong hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng (đầu năm 1941).

– Quyết định chuyển cơ quan chỉ đạo của cách mạng từ Pác Bó (Cao Bằng) về Tân Trào (Tuyên Quang).

– Quyết định thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc (6 – 1945).

Tranh thủ sự ủng hộ quốc tế

– Tháng 8 – 1942, lấy tên Hồ Chí Minh, lên đường đi Trung Quốc để tìm cách phối hợp hành động với phong trào chống Nhật của nhân dân Trung Quốc và các lực lượng Đồng minh chống phát xít trên chiến trường châu Á – Thái Bình Dương.

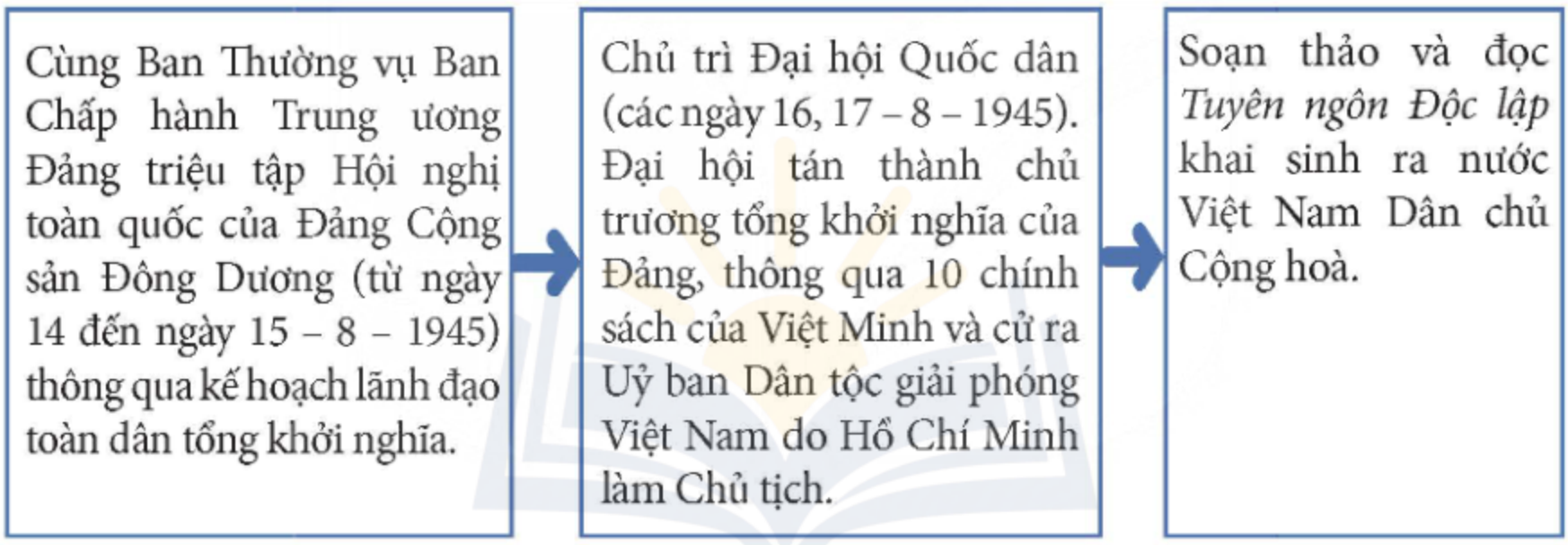
– Tháng 2 –1945, sang Côn Minh (Trung Quốc) nhằm tìm kiếm sự ủng hộ của quốc tế.

• *Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*

Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi.

TƯ LIỆU 6. Trung ương đã quyết định cần tích cực chuẩn bị cho cuộc họp Hội nghị toàn quốc của Đảng và Quốc dân đại hội đại biểu. Bác giục chuẩn bị cho kịp họp hai hội nghị quan trọng này từ tháng 7… Giữa lúc công việc bộn bề như thế, Bác bỗng bị mệt… Lúc nào tỉnh, Bác chỉ nói chuyện tình hình: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

(Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Tổng tập hồi kí*, NXB Quân đội nhân dân, 2011, tr. 129 – 130)



Hình 4. Sơ đồ một số hoạt động trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của Chủ tịch Hồ Chí Minh

1. Khai thác Tư liệu 5, hãy nêu ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và cho biết vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự kiện này.
2. Nêu vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

4 Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

a) Hồ Chí Minh lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

• *Lãnh đạo kháng chiến trong những năm 1945 – 1946*

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải đối phó với nhiều khó khăn, thử thách.

TƯ LIỆU 7. "Phận sự tôi như người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân".

(Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, 2011, tr. 191)

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã đề ra và trực tiếp thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực.

Về đối nội, để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước "Nhường cơm sẻ áo" và "Tăng gia sản xuất", kí sắc lệnh thành lập *Nha Bình dân học vụ* và thành lập *Quỹ Độc lập*, gửi thư kêu gọi các tầng lớp nhân dân hưởng ứng *Tuần lễ vàng* ủng hộ Chính phủ.

Để tạo cơ sở pháp lí cho chính quyền cách mạng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, ngày 5 – 1 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi *Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu.*

Về đối ngoại, ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc và nguyên thủ các nước lớn, khẳng định nền độc lập của Việt Nam.

Trước ngày 6 – 3 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương kiên trì hoà hoãn với quân Trung Hoa Dân quốc để tập trung lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ. Sau khi thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc kí *Hiệp ước Hoa – Pháp*, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, kí với G. Xanh-tơ-ni – đại diện Chính phủ Pháp *Hiệp định Sơ bộ.* Hiệp định Sơ bộ đã làm thất bại âm mưu câu kết giữa Pháp và Trung Hoa Dân quốc, tạo thêm thời gian hoà bình để củng cố và xây dựng lực lượng.

Mặc dù Hiệp định Sơ bộ được kí kết nhưng thực dân Pháp vẫn ra sức phá hoại hiệp định. Chủ tịch Hồ Chí Minh phải trực tiếp sang Pháp vận động ngoại giao. Cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam và Pháp đã thất bại do dã tâm xâm lược của Pháp. Để cứu vãn tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động gặp đại diện Chính phủ Pháp và kí bản *Tạm ước* (14 – 9 – 1946) nhằm tiếp tục kéo dài thời gian hoà bình, tạo điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

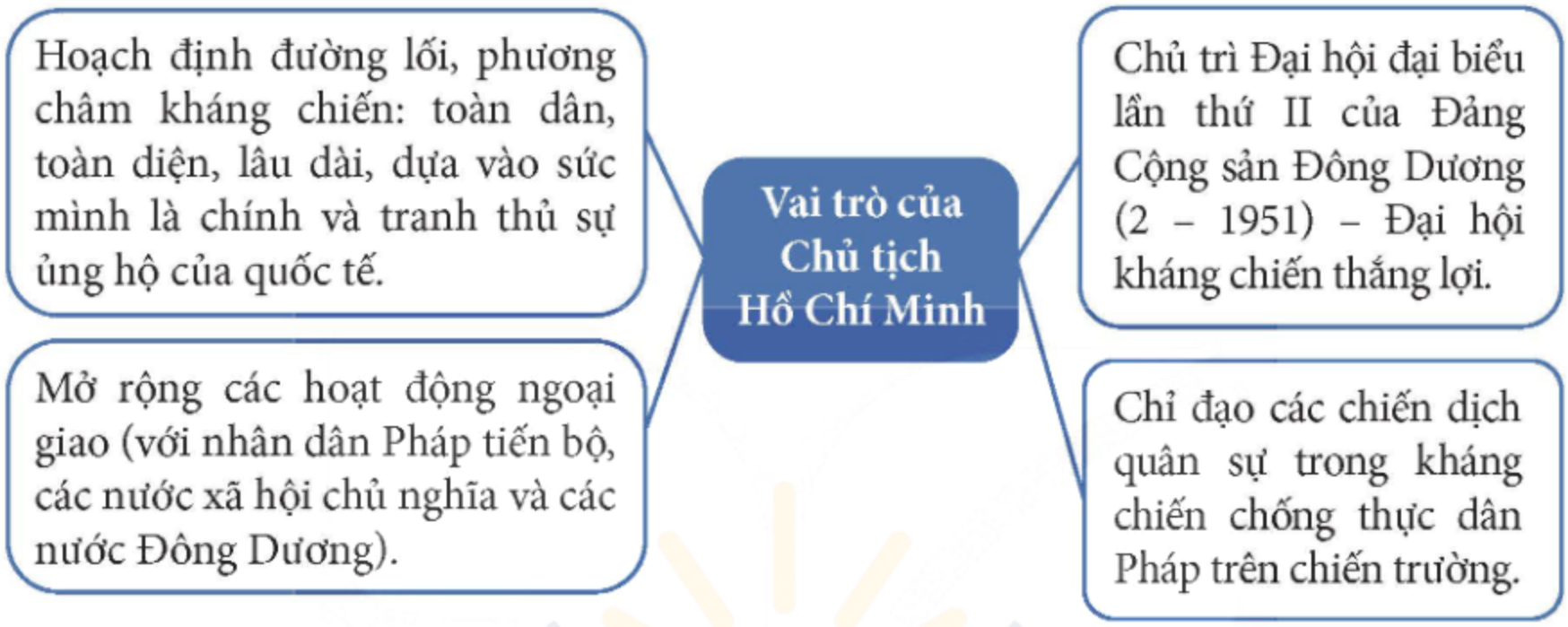


Hình 5. Chủ tịch Hồ Chí Minh phát biểu trong chuyến thăm nước Pháp (1946)

Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ, đồng thời chỉ đạo công cuộc chuẩn bị lực lượng kháng chiến.

Khi mọi nhân nhượng của Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng, tối ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

• *Lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954)*



Hình 6. Sơ đồ thể hiện vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp



Hình 7. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp ra mặt trận, theo dõi diễn biến trận Đông Khê trong chiến dịch Biên giới (1950)



Hình 8. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì phiên họp Hội đồng Chính phủ tại Việt Bắc (1953)

Khai thác thông tin và Tư liệu 7 trong mục, hãy nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có đóng góp vô cùng to lớn.

• *Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc*

Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960). Người nêu rõ: Đại hội này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

• *Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*

Tháng 1 – 1959, giữa lúc cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cơ bản cho cách mạng miền Nam.

Trong những năm 1965 – 1968, đế quốc Mỹ đem quân viễn chinh và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình, dự báo và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ xâm lược.

Các bài thơ chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này không chỉ là lời động viên quân dân cả nước mà còn là mệnh lệnh chiến đấu và truyền đạt đường lối kháng chiến của Đảng.



Hình 9. Chủ tịch Hồ Chí Minh với đoàn đại biểu anh hùng, chiến sĩ thi đua các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc (1965)

• *Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao*

Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.



Hình 10. Chủ tịch Hồ Chí Minh
tiếp nhân sĩ, trí thức Mỹ phản đối chiến tranh ở Việt Nam (1967)

Những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã đưa tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử cách mạng thế giới, trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa trong thế kỉ XX.

Hãy nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Lập bảng hệ thống (hoặc vẽ sơ đồ tư duy) về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết, khái quát và khẳng định chân lí lịch sử: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ của em về tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" trong thời đại ngày nay.

2. Phát biểu ý kiến của em về nhận định: "Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta." (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9 – 9 – 1969).

sach-giao-khoa.com

BÀI 17 DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.
- Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

Hoạ sĩ Mớt-ta-pha (người Pháp) sau khi tìm hiểu về cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã rất cảm phục và quyết định tái hiện chân dung Người. Ông mong muốn thể hiện sức mạnh của đất nước Việt Nam qua hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Câu chuyện của hoạ sĩ người Pháp như trên là một ví dụ cho thấy dấu ấn sâu đậm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới. Vì sao thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng dân tộc Việt Nam?



Hình 1. Hoạ sĩ Mớt-ta-pha trao tặng bức ảnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp (2016)

1 Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) trong khoá họp lần thứ 24 tại Pa-ri (1987) đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

TƯ LIỆU 1. "... Chủ tịch Hồ Chí Minh, một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nhận thấy những đóng góp quan trọng và nhiều mặt của Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật chính là sự kết tinh của truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hoá của mình...".

(Tập biên bản của Đại hội đồng UNESCO, trích trong *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, 2014, tr. 72 – 73)

EM CÓ BIẾT ?

Năm 1923, nhà báo Ô-xíp Man-đen-xtam gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh (lúc đó là Nguyễn Ái Quốc). Ông viết bài *Thăm một chiến sĩ cộng sản quốc tế* đăng trên tạp chí *Ngọn lửa nhỏ*, trong đó có nhận xét: "Trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới... Nguyễn Ái Quốc cũng đang toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã toả ra một thứ văn hoá, không phải văn hoá Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hoá tương lai."

Hiện nay, tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po, Ấn Độ, Mông Cổ (châu Á); Pháp, Nga, Hung-ga-ri (châu Âu); Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Cu-ba, Mê-hi-cô, Pa-na-ma (châu Mỹ);...



Hình 2. Quảng trường và tượng đài
Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Liên bang Nga

Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố,... tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ châu Á, châu Âu đến châu Phi, châu Mỹ.



Hình 3. Tượng Hồ Chí Minh ở Cu-ba



Hình 4. Con đường mang tên Hồ Chí Minh ở Ấn Độ

Tại một số quốc gia, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đến và hoạt động đều có những công trình di tích tưởng niệm như: Khách sạn Ca-tơn (Anh) – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động cuối năm 1913; Nhà số 9, Thủ đô Pa-ri (Pháp) – nơi Người ở và hoạt động cách mạng những năm 1921 – 1923; Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13 và 13/1) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi Hồ Chí Minh mở các lớp đào tạo cán bộ (1925 – 1927); Khu di tích Hồ Chí Minh tại Liễu Châu, Quảng Tây (Trung Quốc),…



Hình 5. Căn nhà số 13 (nay là 248 – 250) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu

1. Khai thác thông tin và Tư liệu 1 trong mục, cho biết vì sao UNESCO và nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

2. Nêu một vài ví dụ về dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới.

2 Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức lớn với phong cách cá nhân độc đáo. Vì vậy, mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng và biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh.



Hình 6. Bức tượng Hồ Chí Minh được các chiến sĩ bí mật mang ra nhà tù Côn Đảo

EM CÓ BIẾT ?

Bức tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh được các chiến sĩ cách mạng bí mật mang ra nhà tù Côn Đảo. Giám ngục đã phát hiện ra bức tượng, ông rất ngạc nhiên, thán phục tình cảm và niềm tin tưởng tuyệt đối của những người tù cộng sản dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh nên không giao nộp mà giữ lại như một kỉ niệm. Trước khi qua đời, ông giao lại bức tượng cho con trai. Năm 2019, con trai ông đã trao tặng bức tượng cho Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam.

sách giáo khoa

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh đã được xây dựng. Đến nay, hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển với 14 chi nhánh trong cả nước.

EM CÓ BIẾT ?

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tuyến đường chi viện chiến lược trên bộ và trên biển đều mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh, đây là những con đường huyền thoại, biểu tượng cho khát vọng độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Những tuyến đường này đã kết nối hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam, vận chuyển kịp thời, hiệu quả vũ khí và lực lượng, góp phần quan trọng vào Đại thắng Xuân năm 1975.

Ngoài hệ thống bảo tàng, di tích lưu niệm do Nhà nước quản lí, nhân dân đã lập đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhiều nơi trong cả nước.



Hình 7. Bảo tàng Hồ Chí Minh (Hà Nội)

Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976, Quốc hội khoá VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh. Trong nghị quyết về việc đặt tên, Quốc hội đã nêu rõ: "Xét rằng, nhân dân thành phố Sài Gòn – Gia Định luôn luôn tỏ lòng kính yêu vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh và tha thiết với việc thành phố mang tên Người".

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao các giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại. Vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành nguồn cảm hứng sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội hoạ,… ở trong nước và trên thế giới.

Kết nối với văn học

Người là Cha, là Bác, là Anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ.

(*Sáng tháng Năm*, Tố Hữu)

Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non.

(*Quê hương Việt Bắc*, Nguyễn Đình Thi)



Hình 8. Bác Hồ bắt nhịp bài ca *Kết đoàn* (1960)

Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn dân tộc.

TƯ LIỆU 2. "Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho chúng ta một di sản vô giá về tư tưởng, đạo đức và tác phong. Chúng ta phải ra sức nghiên cứu, học tập để vận dụng đầy đủ trong việc định ra đường lối, chính sách của Đảng, trong hoạt động của Nhà nước, trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân."

(Trường Chinh, *Chủ tịch Hồ Chí Minh và cách mạng Việt Nam*, NXB Thông tin lí luận, 1991, tr. 191

Ngày 7 – 11 – 2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X ban hành Chỉ thị 06-CT/TW về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Ngày 15 – 5 – 2016, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh". Đến nay, cuộc vận động đã và đang được lan toả đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân.

1. Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh "sống mãi" trong lòng nhân dân Việt Nam?
2. Khai thác thông tin và Tư liệu 2 trong mục, hãy nêu những dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam.

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

"Cuộc đời 79 mùa Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại."

(Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Trên cơ sở nhận định trên, hãy phân tích nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, hãy viết một bài luận ngắn để xuất các giải pháp để cuộc vận động "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh" thực sự có hiệu quả.

BẢNG TRA CỨU KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

Ấp chiến lược (47): một kiểu trại tập trung của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam tại những vùng do chúng kiểm soát. Ấp chiến lược được xây dựng, canh phòng nghiêm ngặt nhằm dồn dân sống tập trung, tách dân khỏi cách mạng.

Bình dân học vụ (101): phong trào xoá nạn mù chữ trong toàn dân do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phát động theo Sắc lệnh ngày 8 – 9 – 1945.

Bình định (47): thực hiện chính sách dàn áp nhằm dập tắt mọi sự chống đối, thực hiện ách thống trị, bóc lột của thực dân và đế quốc.

Căn cứ địa cách mạng (34): khu vực lãnh thổ có đầy đủ các yếu tố thuận lợi để "tiến có thể đánh, lui có thể giữ", có cơ sở vững chắc về kinh tế và quân sự; được dùng làm nơi xây dựng lực lượng cách mạng (gồm lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang) để từ đó phát triển rộng ra các nơi khác; là nơi cung cấp về sức mạnh vật chất, quân sự, nguồn cổ vũ về tinh thần, chính trị trong khởi nghĩa và chiến tranh nhân dân.

Chiến dịch (40): tổng thể những trận chiến dấu, những đợt tác chiến,... trong đó có trận then chốt, do các đơn vị thuộc nhiều quân chủng tiến hành cùng với sự tham gia của lực lượng vũ trang địa phương theo kế hoạch định sẵn.

Chiến lược (chiến lược cách mạng) (47): phương châm và kế hoạch, mưu lược toàn cục cho một thời kì đấu tranh và xây dựng xã hội.

Chiến thuật (47): là phương pháp sử dụng để đạt mục đích cụ thể.

Chính quốc (75): chỉ nước đế quốc, thực dân (để phân biệt với thuộc địa của nó).

Cơ chế thị trường (62): hệ thống những cách thức, biện pháp điều tiết hoạt động sản xuất, lưu thông, kinh doanh hàng hoá trong một nền kinh tế theo sự tác động của quan hệ cung cầu và quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ,...

Hiệp định (24): là những văn bản thoả thuận, kí kết giữa hai (hoặc nhiều nước) xác định một số vấn đề về mối quan hệ chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá,... giữa hai hoặc nhiều nước.

Hội nhập quốc tế (65): quá trình một quốc gia theo đuổi lợi ích của mình thông qua việc chủ động hợp tác, liên kết sâu rộng với các quốc gia khác trên nhiều lĩnh vực, dựa trên sự chia sẻ lợi ích, nguồn lực, chấp nhận và tuân thủ các luật chơi chung trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế.

Mặt trận (34): nơi xảy ra chiến sự (mặt trận Điện Biên Phủ,...); lĩnh vực dấu tranh (mặt trận ngoại giao); tổ chức tập hợp nhiều lực lượng chính trị, xã hội cùng phấn dấu cho mục dích chung (Mặt trận Tổ quốc).

Tập kích (50): đánh úp, đánh bất ngờ nhân lúc đối phương sơ hở.

Tổng khởi nghĩa (32): khởi nghĩa đồng loạt ở các dịa phương trong cả nước nhằm lật đổ chính quyền của giai cấp thống trị, giành chính quyền về tay nhân dân.

Tổng tiến công (49): tiến công đồng loạt khắp các mặt trận để giành thắng lợi quyết dịnh trong chiến tranh.

Trật tự thế giới (7): là thuật ngữ để cập đến sự sắp xếp quyền lực dựa trên tương quan so sánh lực lượng, sức mạnh giữa các quốc gia (hay nhóm quốc gia) nhằm tạo khuôn khổ trong quan hệ quốc tế trên quy mô toàn cầu trong một giai đoạn lịch sử nhất định.

Tự lực cánh sinh (39): dường lối cách mạng dựa vào sức mạnh của nhân dân là chính để tiến hành dấu tranh, không ỷ lại vào sự giúp dỡ từ bên ngoài.

Vùng đặc quyền kinh tế (57): vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Trong khu vực đặc quyền kinh tế, quốc gia có đặc quyền khai thác và dùng các tài nguyên biển. Nó là một trong các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền.

BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
A		
Ác-hen-ti-na	Argentina	20
A-rập Xê-út	Saudi Arabia	20
A-rập	Arabia	15
B		
Ba-li	Bali	24
Béc-lin	Berlin	14
Bi-đôn	Bidon	78
Brê-giơ-nhép	Brezhnev	16
Bru-nây	Brunei	23
C		
Ca-tơn	Carlton	107
Cam-pu-chia	Cambodia	23
Công-gô	Congo	11
Chi-lê	Chile	106
Cu-a-la Lăm-pơ	Kuala Lumpur	27
Cu-ba	Cuba	84
Cu-rin	Kuril	14
Đ, E		
Đa-vít Ma	David Marr	77
En Xan-va-đo	El Salvador	9
G		
Goa-tê-ma-la	Guatemala	9
Giơ-ne-vơ	Geneve	42
H		
Hung-ga-ri	Hungary	106
Hi-rô-si-ma	Hiroshima	32
I		
I. Xta-lin	J. Stalin	14
I-an-ta	Yalta	7
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	20
I-xra-en	Israel	15
I-ran	Iran	7
I-rắc	Iraq	87
K		
Kô-phi An-nan	Kofi Annan	9
Ki-ô-tô	Kyoto	86

Phiên âm	Tên riêng nước ngoài	Trang
L		
La Ha-ba-na	La Habana	84
Lê-nin	Lenin	34
Li-va-đi-a	Livadia	13
M		
Ma-lai-xi-a	Malaysia	22
Mê-hi-cô	Mexico	20
Mi-an-ma	Myanmar	23
Mô-dăm-bích	Mozambique	9
Mớt-ta-pha	Mustapha	105
Mum-bai	Mumbai	20
N		
Na-ga-xa-ki	Nagasaki	32
Nê-pan	Nepal	87
Nô-ben	Nobel	9
Ô		
Ô-xtrây-li-a	Australia	20
Ô-xíp Man-đen-xtam	Osip Mandelstam	106
P		
Pa-na-ma	Panama	106
Pa-ri	Paris	49
Pốt-xđam	Potsdam	32
Ph. Ru-dơ-ven	F. Roosevelt	14
Phi-líp-pin	Philippines	22
T, U		
Tê-hê-ran	Tehran	7
U. Sớc-sin	W. Churchill	14
V, X, Y		
Vác-sa-va	Warszawa	15
V. Go-rơ-bát-cô	V. Gorbatko	83
Xan Phran-xi-xcô	San Francisco	7
Xa-kha-lin	Sakhalin	14
Xin-ga-po	Singapore	22
Xi-ri	Syria	87
Xu-đăng	Sudan	9
Y-ê-men	Yemen	10

sach-giao-khoa.com

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG – TRẦN ĐÌNH PHIÊN
Biên tập tái bản: ĐẶNG THỊ HUYỀN TRANG
Biên tập mĩ thuật: NGÔ QUANG THẾ
Biên tập và thiết kế bản đồ: PHẠM VĂN HẢI
Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM – NGUYỄN DUY LONG
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ 12

Mã số: G1HHZS003h26

In ..... cuốn (QĐ ..... SLK), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in: ..... Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/202-09/GD
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ... .
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm ... .
Mã số ISBN: 978-604-0-39271-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 12, tập một
2. Ngữ văn 12, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
4. Toán 12, tập một
5. Toán 12, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 12
7. Lịch sử 12
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
9. Địa lí 12
10. Chuyên đề học tập Địa lí 12
11. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
12. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Vật lí 12
14. Chuyên đề học tập Vật lí 12
15. Hoá học 12
16. Chuyên đề học tập Hoá học 12
17. Sinh học 12
18. Chuyên đề học tập Sinh học 12
19. Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Công nghệ Điện – Điện tử
21. Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 12 – Lâm nghiệp – Thuỷ sản
23. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
24. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
27. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
28. Mĩ thuật 12 – Thiết kế đồ hoạ
29. Mĩ thuật 12 – Thiết kế thời trang
30. Mĩ thuật 12 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
31. Mĩ thuật 12 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
32. Mĩ thuật 12 – Điêu khắc
33. Mĩ thuật 12 – Kiến trúc
34. Mĩ thuật 12 – Hội hoạ
35. Mĩ thuật 12 – Đồ hoạ (tranh in)
36. Mĩ thuật 12 – Thiết kế công nghiệp
37. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 12
38. Âm nhạc 12
39. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
40. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12
41. Giáo dục thể chất 12 – Bóng chuyền
42. Giáo dục thể chất 12 – Bóng đá
43. Giáo dục thể chất 12 – Cầu lông
44. Giáo dục thể chất 12 – Bóng rổ
45. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12
46. Tiếng Anh 12 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-39271-8

9 786040 392718

Giá: 13.900 đ